



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM
Số 215 Lạch Tray, P.Đằng Giang, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng
Tel: 0225.3731033/3731090; Fax: 0225.3731007
E-mail: pid@vosco.vn; Website: www.vosco.vn

Mã số doanh nghiệp số 0200106490 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01/01/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 04/5/2017

Số: 04/NQ-ĐHĐCĐ

Hải Phòng, ngày 28 tháng 6 năm 2021

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam;

Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ngày 28/6/2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021, trong đó có việc miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT đối với ông Bùi Việt Hoài; UV.HĐQT đối với Ông Lý Quang Thái, Ông Nguyễn Quốc Cường, Bà Trịnh Thị Ngọc Biển và Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc.

Tỷ lệ biểu quyết: **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; Tổng số phiếu không tán thành: **0%**; Tổng số phiếu có ý kiến khác **0%**,

Điều 2. Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020 và Báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán. Theo đó, một số chỉ tiêu chính của năm 2020 là:

1	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	KH 2020	TH năm 2020	So sánh TH 2020 với (%)	
						TH 2019	KH 2020
1	Sản lượng vận chuyển	1.000T	6.775	5.370	6.675	98,52	124,30
	Trong đó, tàu Công ty	1.000T	5.759	4.920	5.372	93,28	109,19
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.805	1.282	1.362	75,46	106,24

	Trong đó, DT vận tải	Tỷ đồng	1.511	1.059	1.261	83,45	119,07
	Tàu Công ty	Tỷ đồng	1.228	956	1.028	83,71	107,53
3	LN trước thuế	Tỷ đồng	51	30,89	-187		

ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đã phê duyệt quỹ lương năm 2020 của người lao động là 118,193 tỷ đồng và của người quản lý là 2,983 tỷ đồng.

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2020, Công ty đã chi lương cho người lao động là 103,849 tỷ đồng và người quản lý là 2,448 tỷ đồng.

Tỷ lệ biểu quyết: **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; Tổng số phiếu không tán thành: **0%**; Tổng số phiếu có ý kiến khác **0%**.

Điều 3. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2021 với một số chỉ tiêu chính sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2020	KH 2021	So sánh (%)
1	Sản lượng vận chuyển	1.000 T	6.675	5.000	74,91
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.362	1.227	90,09
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-187	30	

Để tiếp tục thực hiện việc tái cơ cấu tài chính, ĐHĐCĐ thông qua chủ trương tái cơ cấu nợ để cấu trúc lại hoạt động SXKD gắn với việc xử lý nợ các khoản nợ các Tổ chức tín dụng thông qua DATC. Đồng thời, ủy quyền cho HĐQT xây dựng, thực hiện phương án xử lý nợ. Định kỳ hàng năm báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện trước ĐHĐCĐ.

Về quỹ lương

Để duy trì được mức thu nhập phù hợp với thị trường lao động, đặc biệt là đối với khối thuyền viên nhằm thu hút và giữ người lao động gắn bó với Công ty, Công ty đề xuất quỹ tiền lương năm 2021 như sau:

- Của người lao động: 114,208 tỷ đồng
- Của người quản lý: 3,629 tỷ đồng

Về kế hoạch đầu tư năm 2021

Chuyển tiếp kế hoạch bán tàu dầu sản phẩm Đại Nam (47.102 DWT đóng năm 2000 tại Nhật Bản) từ năm 2020 sang năm 2021. Do tàu hết hạn giấy tờ và Công ty tính toán việc cho tàu lên đà sửa chữa để tiếp tục khai thác không hiệu quả bằng việc triển khai thanh lý tàu ngay nên Công ty đã cho tàu lay-up từ tháng 10/2020, chờ tái cơ cấu với VCB xong sẽ triển khai các thủ tục bán. Trước những diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid 19, để tránh phát sinh thêm chi phí và giảm thiểu rủi ro, Công ty đã triển khai bán tàu vào đầu năm 2021, tàu đã bán và bàn giao tàu cho người mua ngày 14/5/2021.

02001
CÔNG
CỔ PH
NTÀI
IỆT N
TÊN T.P

Đối với việc thoái vốn tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB), Công ty sẽ theo dõi thị trường để bán toàn bộ số cổ phiếu đang nắm giữ trong năm 2021 với mục tiêu mang lại hiệu quả tốt nhất có thể.

Tiếp tục đề án tái cơ cấu

Trong năm 2021, Công ty sẽ tiếp tục tập trung vào tái cơ cấu nợ vay với BaovietBank thông qua DATC theo hướng giảm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi; cân đối đủ dòng tiền để thực hiện các dự án mua - bán nợ đảm bảo khả thi và mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

Về tái cơ cấu tổ chức: Tiếp tục rà soát, thực hiện tái cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, tăng trách nhiệm người đứng đầu các bộ phận; chuẩn hóa việc đánh giá cán bộ, nhân viên, xây dựng thang bảng điểm để thuận lợi cho việc đánh giá năng lực hiệu quả cán bộ, thuyền viên, đảm bảo tăng năng suất lao động trong toàn Công ty.

Về tái cơ cấu đội tàu: Việc thanh lý tàu Đại Nam đã hoàn thành. Bên cạnh đó, sẽ tiếp tục tích cực thuê tàu bên ngoài để tăng năng lực vận chuyển, tăng khả năng cạnh tranh, sản lượng, doanh thu, tạo thêm việc làm cho người lao động và nâng cao hiệu quả.

Tỷ lệ biểu quyết: **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; Tổng số phiếu không tán thành: **0%**; Tổng số phiếu có ý kiến khác **0%**.

Điều 4. Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam.

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế bầu cử và kết quả bầu cử, các Ông/Bà có tên sau đã trúng cử làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam với số phiếu bầu theo tỷ lệ từ cao xuống thấp:

Kết quả bầu Hội đồng quản trị:

- Ông Nguyễn Quang Minh, số phiếu bầu 98.619.315 cổ phần, đạt tỷ lệ 129,46% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội bỏ phiếu bầu cử.

- Ông Vũ Châu Thành, số phiếu bầu 71.075.600 cổ phần, đạt tỷ lệ 93,30% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội bỏ phiếu bầu cử

- Bà Phạm Thị Anh Thư, số phiếu bầu 70.406.600 cổ phần, đạt tỷ lệ 92,42% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội bỏ phiếu bầu cử

- Bà Nguyễn Thị Yên, số phiếu bầu 70.406.600 cổ phần, đạt tỷ lệ 92,42% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội bỏ phiếu bầu cử.

- Ông Nguyễn Đình Tú, số phiếu bầu 70.385.600 cổ phần, đạt tỷ lệ 92,40% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội bỏ phiếu bầu cử

Tỷ lệ biểu quyết: **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; Tổng số phiếu không tán thành: **0%**; Tổng số phiếu có ý kiến khác **0%**.

Điều 5. Thông qua quỹ thù lao HĐQT và BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021

1064
3 TY
I AN
BIEN
AM
HAI P

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH năm 2020	KH năm 2021
1	Thù lao HĐQT	Tr.đồng	288	288
2	Thù lao BKS	Tr.đồng	84	84

Thù lao HĐQT, BKS đã thực hiện năm 2020 sẽ được hạch toán vào chi phí sản xuất năm 2021.

Trên cơ sở diễn biến thị trường và trong trường hợp Công ty không có lợi nhuận, HĐQT và BKS sẽ điều chỉnh giảm mức thù lao cho phù hợp với tình hình thực tế để thể hiện trách nhiệm của mình và cùng chia sẻ khó khăn với Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết: **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; Tổng số phiếu không tán thành: **0%**; Tổng số phiếu có ý kiến khác **0%**.

Điều 6. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 116/2020/TT-BTC và các quy định khác có liên quan.

Trong đó có bổ sung ngành nghề kinh doanh:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác gồm: than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha	4661
2	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác	4662
3	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn xi măng đen, xi măng trắng, clanhke	4663

Tỷ lệ biểu quyết: **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; Tổng số phiếu không tán thành: **0%**; Tổng số phiếu có ý kiến khác **0%**.

Điều 7. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020; thông qua danh sách 02 công ty kiểm toán và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn 01 trong 02 công ty này làm đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021 và thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát:

STT	Tên Công ty
1	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
2	CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Tỷ lệ biểu quyết: **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; Tổng số phiếu không tán thành: **0%**; Tổng số phiếu có ý kiến khác **0%**.



Điều 8. Nghị quyết này được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam nhất trí thông qua lúc 11 giờ 30 phút ngày 28/6/2021 với tỷ lệ **100%** số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, toàn thể CBCNV và các cổ đông của Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam. ✓

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC**



Cao Minh Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM
Số 215 Lạch Tray, P.Đằng Giang, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng
Tel: 0225.3731033/3731090; Fax: 0225.3731007
E-mail: pid@vosco.vn; Website: www.vosco.vn

Mã số doanh nghiệp số 0200106490 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01/01/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 04/5/2017

Số: 04/BB-ĐHĐCĐ

Hải Phòng, ngày 28 tháng 6 năm 2021

BIÊN BẢN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam;

Căn cứ Thông báo mời họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam,

Vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại Hội trường Cung Văn hóa Lao động Hữu nghị Việt Tiệp số 53, Lạch Tray, Hải Phòng, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam đã được khai mạc.

Đại hội đã nghe Ông Phạm Anh Tuấn – Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo: Đại hội có sự tham dự của 37 cổ đông, đại diện cho 76.267.641 cổ phần sở hữu và được ủy quyền, bằng 54,48% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam với thành phần tham dự như trên là hợp lệ.

Tham dự Đại hội còn có các vị khách mời là Ông Lê Anh Sơn – Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP (cổ đông sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty), đại diện một số Ban của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP.

Chương trình Đại hội

* Chào cờ

* Ông Đặng Hồng Trường – Phó Tổng giám đốc Công ty tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và hướng dẫn bầu Đoàn chủ tịch, Ban thư ký Đại hội.

Đại hội đã đề cử và biểu quyết thông qua bằng phương thức giơ Thẻ biểu quyết đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành những người có tên sau vào Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký Đại hội, cụ thể như sau:



- Tổng số phiếu tán thành: 76.267.641 (=100%)
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 (=0%)
- Tổng số phiếu có ý kiến khác: 0 (=0%)

Đoàn Chủ tịch Đại hội gồm:

- Ông Bùi Việt Hoài - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam;
- Ông Cao Minh Tuấn - PCT HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam;
- Ông Nguyễn Quang Minh - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam.

Ban Thư ký Đại hội gồm:

- Bà Nguyễn Thị Mai Anh - Phó trưởng Phòng Kế hoạch Tổng hợp
- Bà Nguyễn Thị Thuận - Chuyên viên Phòng Nhân sự Thuyền viên

Với tinh thần làm việc khẩn trương và nghiêm túc, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam đã nghe, thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Quang Minh đọc nội dung Chương trình nghị sự và Quy chế làm việc của Đại hội, đã biểu quyết bằng phương thức giơ Thẻ biểu quyết:

1.1. Đối với nội dung Chương trình Đại hội đã được thông qua đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, cụ thể như sau:

- Tổng số phiếu tán thành: 76.267.641 (=100%)
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 (=0%)
- Tổng số phiếu có ý kiến khác: 0 (=0%)

1.2. Đối với nội dung Quy chế làm việc của Đại hội đã được thông qua đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, cụ thể như sau:

- Tổng số phiếu tán thành: 76.267.641 (=100%)
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 (=0%)
- Tổng số phiếu có ý kiến khác: 0 (=0%)

2. Đại hội đã nghe Ông Bùi Việt Hoài - Chủ tịch HĐQT Công ty phát biểu khai mạc Đại hội và trình bày Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020, định hướng hoạt động năm 2021, trong đó có miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với Ông Bùi Việt Hoài, Ông Lý Quang Thái, Ông Nguyễn Quốc Cường, Bà Trịnh Thị Ngọc Biển và Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc. Sau đó, Đại hội đã biểu quyết bằng phương thức giơ Thẻ biểu quyết thông qua:

- Tổng số phiếu tán thành: 76.267.641 (=100%)
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 (=0%)
- Tổng số phiếu có ý kiến khác: 0 (=0%)

3. Đại hội đã nghe Ông Cao Minh Tuấn - PCT HĐQT, Tổng giám đốc Công ty trình bày kết quả thực hiện năm 2020, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020; Kế hoạch năm 2021.

3.1. Về kết quả thực hiện năm 2020, Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2020 đã được biểu quyết thông qua bằng phương thức giơ Thẻ biểu quyết

0010
ÔNG
Ổ PH
TÀI
ÊTN
ÊNT.

đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, cụ thể như sau:

- Tổng số phiếu tán thành: 76.267.641 (=100%)
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 (=0%)
- Tổng số phiếu có ý kiến khác: 0 (=0%)

a) Về kết quả thực hiện năm 2020 và Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2020 với một số chỉ tiêu chính là:

1	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	KH 2020	TH năm 2020	So sánh TH 2020 với (%)	
						TH 2019	KH 2020
	2	3	4	5	6		
1	Sản lượng vận chuyển	1.000T	6.775	5.370	6.675	98,52	124,30
	<i>Trong đó, tàu Công ty</i>	<i>1.000T</i>	<i>5.759</i>	<i>4.920</i>	<i>5.372</i>	<i>93,28</i>	<i>109,19</i>
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.805	1.282	1.362	75,46	106,24
	<i>Trong đó, DT vận tải</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1.511</i>	<i>1.059</i>	<i>1.261</i>	<i>83,45</i>	<i>119,07</i>
	<i>Tàu Công ty</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1.228</i>	<i>956</i>	<i>1.028</i>	<i>83,71</i>	<i>107,53</i>
3	LN trước thuế	Tỷ đồng	51	30,89	-187		

b) Về thực hiện đơn giá tiền lương:

ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đã phê duyệt quỹ lương năm 2020 của người lao động là 118,193 tỷ đồng và của người quản lý là 2,983 tỷ đồng.

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2020, Công ty đã chi lương cho người lao động là 103,849 tỷ đồng và người quản lý là 2,448 tỷ đồng.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH NĂM 2020

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ đồng)
1	Tổng tài sản	2.796
2	Vốn điều lệ	1.400
3	Vốn chủ sở hữu	508
4	Tổng doanh thu	1.362
5	Lợi nhuận trước thuế	-187
6	Lợi nhuận sau thuế	-187

c) Kết quả đầu tư và thanh lý tàu

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã phê duyệt kế hoạch thanh lý tài sản gồm tàu hàng khô Vega Star, trọng tải 22.035 dwt đóng năm 1994 và tàu dầu sản phẩm Đại Nam trọng tải 47.102 dwt đóng năm 2000.

Theo đó, Công ty đã bán và bàn giao tàu Vega Star ngày 10/9/2020. Thực hiện kế hoạch chuyển tiếp từ năm 2019, ngày 12/05/2020, Công ty đã bán và bàn giao tàu Vĩnh Hưng trọng tải 6.596 dwt đóng năm 2002 tại Việt Nam.

Công ty chưa thanh lý được tàu Đại Nam do trong năm tàu vẫn là tài sản thế chấp tại Ngân hàng Vietcombank, việc tái cơ cấu tài chính chỉ được hoàn thành vào ngày cuối của năm nên việc thanh lý tàu sẽ chuyển sang thực hiện trong năm 2021.

d) Về đầu tư khác

Do khó khăn về vốn nên Công ty không thực hiện công tác đầu tư trong năm 2020. Đồng thời, vẫn tiếp tục tìm kiếm các đối tác để thoái vốn tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB). Ngày 23/12/2020, sau khi cổ phiếu MSB được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, Công ty đã triển khai các thủ tục đề trình bán số cổ phiếu này và hiện nay đang thực hiện bán.

e) Về tái cơ cấu

Tiếp tục phát huy kết quả năm 2019, trong năm 2020 Công ty đã đạt được những kết quả chính sau đây:

Về tái cơ cấu tài chính

Sau nhiều năm nỗ lực đàm phán, Công ty đã tái cơ cấu được khoản nợ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) vào cuối năm 2020 và hiện nay đang tích cực đàm phán để tái cơ cấu khoản nợ cuối cùng đối với các ngân hàng thương mại tại BaovietBank.

Việc tái cơ cấu tài chính đã giúp Công ty từng bước lành mạnh hóa tình hình tài chính, tổng số nợ được xóa và giảm lãi vay, ghi nhận tăng doanh thu tính đến cuối năm 2020 là 679 tỷ đồng và khoan 03 năm không tính lãi tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam (từ 01/7/2016 - 01/7/2019), giảm lãi vay khoảng 190 tỷ đồng.

Về tái cơ cấu tổ chức

Năm 2020, Công ty tiếp tục thực hiện việc sắp xếp lại bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả hơn. Đã tiếp tục sáp nhập một số phòng/ban trong Công ty và giảm bớt lao động tại Chi nhánh TP.HCM. Số lượng phòng, chi nhánh của Công ty đến hết năm 2020 đã giảm từ 25 xuống còn 14 đơn vị, hoàn thành tiến độ trong Đề án Tái cơ cấu.

Đến ngày 31/12/2020, số lượng người lao động tại văn phòng giảm xuống còn 158 người, giảm 48 người so với trước cơ cấu, tương đương giảm 23,3%, hoàn thành tiến độ trong Đề án tái cơ cấu (theo Đề án, số lượng người lao động văn phòng dự kiến giảm 20%). Công ty sẽ tiếp tục rà soát để tinh giản thêm nhân sự nhằm tăng năng suất và hiệu quả làm việc.

Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc chuyển đổi 01 công ty TNHH MTV có hiệu quả kinh doanh thấp sang mô hình công ty cổ phần và thoái vốn tại đây xuống còn 36% vốn điều lệ.

Về tái cơ cấu đội tàu

Năm 2020, Công ty đã thanh lý 02 tàu hàng khô là Vĩnh Hưng và Vega Star. Tàu Đại Nam chưa được thanh lý do tàu là tài sản thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) và việc tái cơ cấu nợ với VCB hoàn thành vào ngày cuối của năm 2020.

Trong năm, Công ty chưa thực hiện việc đầu tư tàu. Để tăng năng lực vận chuyển và kết quả kinh doanh, Công ty đã tích cực tìm kiếm, giao dịch và thuê tàu ngoài với nhiều hình thức (thuê tàu trần, thuê chuyển, relet...).

3.2. Kế hoạch SXKD năm 2021

Đại hội đã biểu quyết thông qua kế hoạch SXKD năm 2021 một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2020	KH 2021	So sánh (%)
1	Sản lượng vận chuyển	1.000 T	6.675	5.000	74,91
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.362	1.227	90,09
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-187	30	

So với năm 2020, đội tàu Công ty giảm 03 tàu là Vĩnh Hưng, Vega Star và Đại Nam, giảm tổng trọng tải 75.635 dwt tương đương giảm 17,5% nên chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng và tổng doanh thu giảm so với thực hiện năm 2020.

Trong bối cảnh ngành vận tải biển nói riêng và nhiều ngành nghề khác nói chung đã và đang chịu ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh Covid-19, đội tàu của Công ty lại già thêm 01 tuổi, gặp nhiều khó khăn khi phải cạnh tranh với các tàu trẻ, hiện đại và năng lực vận chuyển của đội tàu bị giảm đi thì các chỉ tiêu trên được xây dựng với quyết tâm cao và công ty sẽ nỗ lực hết sức để có thể duy trì hoạt động ổn định của đội tàu, đạt được kết quả kinh doanh tốt nhất và có lãi.

Để tiếp tục thực hiện việc tái cơ cấu tài chính, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xem xét, xây dựng các giải pháp tái cơ cấu nợ, tái cơ cấu tài chính, cơ cấu lại tài sản để giải quyết dứt điểm công nợ còn tồn đọng, ổn định hoạt động SXKD. Chương trình tái cơ cấu nợ sẽ kéo dài liên tục cho đến khi hoàn tất. HĐQT có trách nhiệm báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện tái cơ cấu nợ tại ĐHĐCĐ hàng năm.

Về quỹ lương

Để duy trì được mức thu nhập phù hợp với thị trường lao động, đặc biệt là đối với khối thuyền viên nhằm thu hút và giữ người lao động gắn bó với Công ty, Công ty đề xuất quỹ tiền lương năm 2021 như sau:

- Của người lao động: 114,208 tỷ đồng
- Của người quản lý: 3,629 tỷ đồng

Về kế hoạch đầu tư năm 2021

Chuyển tiếp kế hoạch bán tàu dầu sản phẩm Đại Nam (47.102 DWT đóng năm 2000 tại Nhật Bản) từ năm 2020 sang năm 2021. Do tàu hết hạn giấy tờ và

Công ty tính toán việc cho tàu lên đà sửa chữa để tiếp tục khai thác không hiệu quả bằng việc triển khai thanh lý tàu ngay nên Công ty đã cho tàu lay-up từ tháng 10/2020, chờ tái cơ cấu với VCB xong sẽ triển khai các thủ tục bán. Trước những diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid 19, để tránh phát sinh thêm chi phí và giảm thiểu rủi ro, Công ty đã triển khai bán tàu vào đầu năm 2021, tàu đã bán và bàn giao tàu cho người mua ngày 14/5/2021.

Đối với việc thoái vốn tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB), Công ty sẽ theo dõi thị trường để bán toàn bộ số cổ phiếu đang nắm giữ trong năm 2021 với mục tiêu mang lại hiệu quả tốt nhất có thể.

Tiếp tục đề án tái cơ cấu

Trong năm 2021, Công ty sẽ tiếp tục tập trung vào tái cơ cấu nợ vay với BaovietBank thông qua DATC theo hướng giảm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi; cân đối đủ dòng tiền để thực hiện các dự án mua - bán nợ đảm bảo khả thi và mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

Về tái cơ cấu tổ chức: Tiếp tục rà soát, thực hiện tái cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, tăng trách nhiệm người đứng đầu các bộ phận; chuẩn hóa việc đánh giá cán bộ, nhân viên, xây dựng thang bảng điểm để thuận lợi cho việc đánh giá năng lực hiệu quả cán bộ, thuyền viên, đảm bảo tăng năng suất lao động trong toàn Công ty.

Về tái cơ cấu đội tàu: Việc thanh lý tàu Đại Nam đã hoàn thành. Bên cạnh đó, sẽ tiếp tục tích cực thuê tàu bên ngoài để tăng năng lực vận chuyển, tăng khả năng cạnh tranh, sản lượng, doanh thu, tạo thêm việc làm cho người lao động và nâng cao hiệu quả

3.3. Một số giải pháp chính

Để thực hiện kế hoạch SXKD và Đề án tái cơ cấu, Công ty sẽ tập trung vào một số giải pháp chính sau:

- Tập trung nguồn lực để tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu Công ty, trong đó tập trung vào việc tái cơ cấu nợ với các dự án đầu tư tàu còn lại tại các ngân hàng thương mại.

- Tập trung tìm tàu phù hợp để đầu tư hoặc thuê bareboat, đặc biệt là tàu dầu sản phẩm cỡ MR và tàu hàng rời cỡ Supramax/Handysize.

- Tiếp tục rà soát để tái cơ cấu tổ chức nhằm tinh gọn bộ máy tổ chức và nhân sự, tuyển dụng đào tạo nhân lực có chất lượng để bổ sung cho một số phòng. Có biện pháp phù hợp để tuyển dụng, đào tạo thuyền viên, kết hợp với việc nâng cao đời sống cho người lao động để thu hút và giữ chân người lao động.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường, tình hình dịch bệnh Covid-19 để cố gắng tìm kiếm, lựa chọn, đánh giá các lô hàng phù hợp nhất. Chủ động, miễn cưỡng hơn nữa trong việc đánh giá thị trường, tìm kiếm hàng, đôn đốc, thu xếp 2 đầu bến để giảm chi phí ngày tàu, tăng khả năng quay vòng của tàu.

- Đưa thêm tàu vào khai thác tại những thị trường có đòi hỏi cao nhưng có hiệu quả cao hơn như tại Atlantic, Nhật Bản, Châu Âu, Úc... Tiếp tục tìm kiếm các hợp đồng COA có sản lượng lớn, hướng tới ổn định và nâng cao hiệu quả

sản xuất kinh doanh của đội tàu. Đội tàu container cho thuê khoang (slot) chiếm tỷ trọng tối thiểu 50% tổng sản lượng hàng nội địa. Tỷ lệ hàng door to door trong tổng sản lượng hàng nội địa chiếm tỷ lệ tối thiểu 25%.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý đặc biệt là quản lý nhiên liệu, phụ tùng, vật tư, bảo quản bảo dưỡng của thuyền viên để giảm tiêu thụ, chống thất thoát, giảm chi phí. Nâng cao hơn nữa công tác quản lý kỹ thuật, vật tư, nhiên liệu, bảo quản bảo dưỡng của thuyền viên để giảm thiểu sự cố và tiết kiệm chi phí.

- Tiếp tục triển khai ứng dụng các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Đại hội tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam

4.1. Đại hội đã nghe Ông Bùi Việt Hoài đọc công văn giới thiệu người tham gia ứng cử vào HĐQT của cổ đông lớn - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCCP tại Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam. Theo đó, đã giới thiệu 05 ứng cử viên tham gia HĐQT.

Sau đó, Đại hội đã biểu quyết thông qua bằng phương thức giơ Thẻ biểu quyết đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành thông qua danh sách ứng cử, đề cử HĐQT, cụ thể như sau:

- Tổng số phiếu tán thành: 76.267.641 (=100%)
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 (=0%)
- Tổng số phiếu có ý kiến khác: 0 (=0%)

Danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị (theo chữ A, B, C):

- Ông Nguyễn Quang Minh
- Ông Vũ Châu Thành
- Bà Phạm Thị Anh Thư
- Ông Nguyễn Đình Tú
- Bà Nguyễn Thị Yên

4.2. Đại hội đã biểu quyết thông qua danh sách Ban Bầu cử gồm:

- Ông Đặng Hồng Trường - Phó tổng giám đốc - Trưởng Ban;
- Ông Vũ Trường Thọ - Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp - Ủy viên.
- Ông Trần Văn Lễ - Phó Trưởng phòng Hành chính - Ủy viên.

Đại hội đã biểu quyết thông qua bằng phương thức giơ Thẻ biểu quyết đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành thông qua danh sách Ban Bầu cử, cụ thể như sau:

- Tổng số phiếu tán thành: 76.267.641 (=100%)
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 (=0%)
- Tổng số phiếu có ý kiến khác: 0 (=0%)

4.3. Ông Đặng Hồng Trường - Trưởng Ban bầu cử đã đọc Quy chế bầu cử HĐQT.

N.02
C
C
VẬN
VI
QU

Đại hội đã biểu quyết thông qua bằng phương thức giơ Thẻ biểu quyết đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành thông qua Quy chế bầu cử, cụ thể như sau:

- Tổng số phiếu tán thành: 76.267.641 (=100%)
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 (=0%)
- Tổng số phiếu có ý kiến khác: 0 (=0%)

Sau đó, đã tiến hành bỏ phiếu kín bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty.

5. Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Quang Minh –Phó Tổng giám đốc Công ty đọc Tờ trình về mức chi thù lao của HĐQT và BKS năm 2020, kế hoạch năm 2021.

Đại hội đã biểu quyết thông qua bằng phương thức giơ Thẻ biểu quyết đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành thông qua, cụ thể như sau:

- Tổng số phiếu tán thành: 76.267.641(=100%)
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 (=0%)
- Tổng số phiếu có ý kiến khác: 0 (=0%)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH năm 2020	KH năm 2021
1	Thù lao HĐQT	Tr.đồng	288	288
2	Thù lao BKS	Tr.đồng	84	84

Thù lao HĐQT, BKS đã thực hiện năm 2020 sẽ được hạch toán vào chi phí sản xuất năm 2021.

Trên cơ sở diễn biến thị trường và trong trường hợp Công ty không có lợi nhuận, HĐQT và BKS sẽ điều chỉnh giảm mức thù lao cho phù hợp với tình hình thực tế để thể hiện trách nhiệm của mình và cùng chia sẻ khó khăn với Công ty.

6. Về việc sửa đổi Điều lệ và các Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Ngày 31/12/2020, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Theo đó, Thông tư này đã ban hành Điều lệ mẫu áp dụng đối với Công ty đại chúng và mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019, Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Để đảm bảo tổ chức quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan, Công ty đã nghiên cứu và tiến hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế

2001
 CÔNG
 CỔ PHẦN
 TÀI
 CHÍNH
 VIỆT NAM
 T.

hoạt động của HĐQT và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trình ĐHCĐ thông qua.

Đại hội đã nghe Nguyễn Quang Minh – Phó Tổng giám đốc Công ty đọc Tờ trình về việc sửa đổi một số nội dung của Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Đại hội đã biểu quyết thông qua bằng phương thức giơ Thẻ biểu quyết đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành thông qua, cụ thể như sau:

- Tổng số phiếu tán thành: 76.267.641 (=100%)
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 (=0%)
- Tổng số phiếu có ý kiến khác: 0 (=0%)

7. Đại hội đã nghe Ông Đỗ Tuấn Nam – Trưởng Ban Kiểm soát Công ty trình bày Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và biểu quyết thông qua:

- Tổng số phiếu tán thành: 76.267.641 (=100%)
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 (=0%)
- Tổng số phiếu có ý kiến khác: 0 (=0%)

8. Đại hội đã nghe Ông Đỗ Tuấn Nam – Trưởng Ban Kiểm soát báo cáo lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021 và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn 01 trong 02 công ty kiểm toán sau làm đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021 của Công ty:

STT	Tên Công ty
1	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
2	CÔNG TY TNHH HẰNG KIỂM TOÁN AASC

Đại hội đã biểu quyết thông qua bằng phương thức giơ Thẻ biểu quyết đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành thông qua, cụ thể như sau:

- Tổng số phiếu tán thành: 76.267.641 (=100%)
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 (=0%)
- Tổng số phiếu có ý kiến khác: 0 (=0%)

9. Đại hội đã nghe Ông Đỗ Tuấn Nam – Trưởng Ban Kiểm soát đọc Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Đại hội đã biểu quyết thông qua bằng phương thức giơ Thẻ biểu quyết đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành thông qua, cụ thể như sau:

- Tổng số phiếu tán thành: 76.267.641 (=100%)
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 (=0%)

064
⇒ TY
HÀN
BI
[AM
PH

- Tổng số phiếu có ý kiến khác: 0 (=0%)

10. Các cổ đông đều thống nhất với các nội dung nêu tại Đại hội và không có ý kiến gì thêm.

11. Đại hội đã nghe Ông Đặng Hồng Trường công bố kết quả kiểm phiếu.

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty; Căn cứ Quy chế bầu cử đã được thông qua và kết quả kiểm phiếu, những người có tên sau đã trúng cử làm thành viên HĐQT Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ III (2018 - 2023) với số phiếu bầu theo tỷ lệ từ cao xuống thấp:

- Ông Nguyễn Quang Minh, số phiếu bầu 98.619.315 cổ phần, đạt tỷ lệ 129,46% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội bỏ phiếu bầu cử.

- Ông Vũ Châu Thành, số phiếu bầu 71.075.600 cổ phần, đạt tỷ lệ 93,30% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội bỏ phiếu bầu cử

- Bà Phạm Thị Anh Thư, số phiếu bầu 70.406.600 cổ phần, đạt tỷ lệ 92,42% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội bỏ phiếu bầu cử

- Bà Nguyễn Thị Yến, số phiếu bầu 70.406.600 cổ phần, đạt tỷ lệ 92,42% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội bỏ phiếu bầu cử.

- Ông Nguyễn Đình Tú, số phiếu bầu 70.385.600 cổ phần, đạt tỷ lệ 92,40% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội bỏ phiếu bầu cử

12. Đại hội đã chứng kiến Ông Lê Anh Sơn – Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP và Ông Cao Minh Tuấn – Phó chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam tặng hoa chúc mừng các thành viên Hội đồng quản trị mới trúng cử và các thành viên Hội đồng quản trị không tiếp tục tham gia Hội đồng quản trị Công ty trong thời gian tới.

Ông Lê Anh Sơn – Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP thay mặt cổ đông lớn là Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đã phát biểu ý kiến với Đại hội.

Ông Nguyễn Quang Minh – UV.HĐQT, Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam đã phát biểu đáp từ, cảm ơn các ý kiến từ cổ đông lớn.

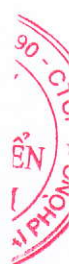
13. Đại hội đã nghe Ban Thư ký trình bày dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021, sau đó, Đại hội đã thông qua bằng phương thức giơ Thẻ biểu quyết đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, cụ thể như sau:

- Tổng số phiếu tán thành: 76.267.641 (=100%)

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 (=0%)

- Tổng số phiếu có ý kiến khác: 0 (=0%)

14. Đại hội đã nghe Ông Cao Minh Tuấn – Phó chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty phát biểu bế mạc Đại hội.



Biên bản được lập và thông qua lúc 11 giờ 30 phút ngày 28/6/2021.

Biên bản này đã được đọc lại cho toàn thể cổ đông có mặt tại Đại hội cùng nghe và thống nhất thông qua bằng phương thức giơ Thẻ biểu quyết đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, cụ thể như sau:

- Tổng số phiếu tán thành: 76.267.641 (=100%)
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 (=0%)
- Tổng số phiếu có ý kiến khác: 0 (=0%)

ĐOÀN CHỦ TỊCH




Cao Minh Tuấn


Bùi Việt Hoài


Nguyễn Quang Minh

BAN THƯ KÝ


Nguyễn Thị Mai Anh


Nguyễn Thị Thuận



**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thời gian tổ chức: Từ 08 giờ 00 ngày 28 tháng 6 năm 2021

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
8h00 - 8h30	- Đón tiếp đại biểu và cổ đông - Phát tài liệu họp	Ban Tổ chức
8h30 - 8h40	Đại hội bắt đầu làm việc Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Ông Đặng Hồng Trường - P.TGD
8h40 - 8h45	Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông	Trưởng Ban Thẩm tra tư cách cổ đông
8h45 - 8h50	Bầu Đoàn chủ tịch, Ban Thư ký	Ông Đặng Hồng Trường - PTGD
8h50 - 9h00	Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc	Đoàn Chủ tịch
9h00 - 9h20	- Khai mạc Đại hội - Báo cáo hoạt động HĐQT năm 2020	Ông Bùi Việt Hoài - Chủ tịch HĐQT
9h20 - 9h50	- Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 và Kế hoạch năm 2021	Ông Cao Minh Tuấn – PCT. HĐQT, TGD
9h50 - 10h20	Đại hội bầu cử bổ sung TV.HĐQT - Đọc đơn đề cử theo nhóm bầu HĐQT - Đề xuất thành lập Ban Bầu cử - Ban Bầu cử tiến hành bầu HĐQT	- Các nhóm cổ đông - Đoàn Chủ tịch - Ban Bầu cử
10h20 - 10h35	- Báo cáo mức thù lao của các thành viên HĐQT và BKS năm 2020, dự kiến năm 2021 - Tờ trình sửa đổi Điều lệ và một số Quy chế của Công ty	Ông Nguyễn Quang Minh - P.TGD
10h35 - 10h55	- Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2020 - Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2021 - Tờ trình sửa đổi Quy chế hoạt động của BKS	Ông Đỗ Tuấn Nam – Tr.Ban Kiểm soát
10h55 - 11h25	Đại hội thảo luận	Đoàn Chủ tịch
11h25 - 11h35	Biểu quyết thông qua các nội dung tại ĐHĐCĐ: - BC hoạt động HĐQT năm 2020 - BC kết quả hoạt động SXKD năm 2020, KH 2021 - BCTC năm 2020 đã được kiểm toán - Quỹ thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và dự kiến 2021 - Thông qua việc sửa đổi Điều lệ và một số Quy chế của Công ty - BC của BKS năm 2020 - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021	Đoàn Chủ tịch
11h35 - 11h45	Công bố kết quả kiểm phiếu	Ban Bầu cử
11h45 - 11h50	Thông qua nghị quyết và biên bản của Đại hội	Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký
	Tổng kết, bế mạc Đại hội	Đoàn Chủ tịch

BÁO CÁO
Về kết quả năm 2020 và kế hoạch năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam;

Căn cứ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam trong năm 2020;

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Công ty như sau:

Phần I

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

1. Đánh giá chung trong năm 2020

Tính đến ngày 31/12/2020, Công ty sở hữu đội tàu 12 chiếc với tổng trọng tải 405.112 dwt gồm 08 tàu hàng khô, hàng rời, 02 tàu dầu sản phẩm và 02 tàu container, cùng với một số tàu thuê định hạn nên số lượng tàu khai thác thường xuyên khoảng 13-14 tàu.

Năm 2020 là năm vô cùng khó khăn của ngành vận tải biển do những ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19 với nhiều thời điểm thị trường giảm sâu, mức cước vận chuyển rất thấp, hàng hóa khan hiếm, tàu không thể vào cảng làm hàng hoặc thay thuyền viên nhưng Lãnh đạo Công ty cùng tập thể người lao động đã quyết tâm áp dụng nhiều biện pháp tích cực, chủ động trong hoạt động khai thác đội tàu, quản lý kỹ thuật, nhiên liệu, phụ tùng vật tư, bố trí điều động và thay thuyền viên. Đồng thời, tiếp tục quyết liệt triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu theo 03 hướng tái cơ cấu tổ chức, tái cơ cấu đội tàu và đặc biệt là tái cơ cấu tài chính để ổn định sản xuất kinh doanh, giảm bớt thiệt hại do dịch bệnh gây ra.

2. Đánh giá về thị trường vận tải biển

- Thị trường tàu hàng khô đầu năm 2020 diễn ra vô cùng khó khăn khi rơi tự do từ cuối tháng 12 năm 2019, cộng thêm việc phải chuyển sang sử dụng dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp với giá rất cao. Bên cạnh đó, thị trường liên tiếp giảm sâu do chịu ảnh hưởng nặng nề khi tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra vô cùng phức tạp, đã trở thành đại dịch và lan ra gần như toàn thế giới. Các nước buộc phải có những hành động mạnh mẽ để đối phó trong đó có hành động phong tỏa các thành phố, cảng biển làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến toàn bộ nền kinh tế thế giới. Tình trạng hàng hóa khan hiếm và cước thấp kéo dài trong cả Quý I. Sau đó, thị trường bắt đầu có những dấu hiệu tích cực khi một số nước đã cơ bản kiểm soát được dịch bệnh và chuyển xã hội sang trạng thái vừa chống dịch vừa phát triển kinh tế. Từ cuối quý 2, thị trường đã có sự khởi sắc hơn khi chỉ số này dao động quanh mức 1.700 điểm nhưng động lực chính là sự tăng trưởng của các phân khúc tàu cỡ lớn như Capesize, Panamax... Phải đến cuối quý 3, thị trường tàu cỡ Handysize mới ổn định hơn so với 6 tháng đầu năm. Tuy nhiên, những lo ngại về làn sóng thứ 2 của dịch bệnh Covid-19 và lũ lụt tại Trung Quốc vẫn khiến cho thị trường có nhiều diễn biến bất ổn, khó lường cùng với cùng với điều kiện thời tiết xấu trong tháng 10 và tháng 11 tại Philippines, Việt Nam đã ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác đội tàu khô của Công ty.

- Thị trường vận tải dầu sản phẩm năm 2020 ở mức thấp trong hầu hết cả năm. Quãng thời gian sôi động ngắn ở tháng 3, tháng 4 chủ yếu do các hoạt động đầu cơ, tích trữ dầu giá rẻ vô cùng mạnh mẽ và nhu cầu thuê tàu làm kho chứa dầu của một số hãng dầu lớn. Số lượng các giao dịch thương mại thành công khá nhiều nên nhu cầu vận chuyển tăng và cước vận tải dầu sản phẩm cũng cải thiện rõ rệt. Trong thời gian còn lại của năm, thị trường có nhiều thời điểm giảm thấp kỷ lục như đầu quý 3, đầu quý 4 và đặc biệt là cuối quý 4 do ảnh hưởng của những kỳ nghỉ lễ cuối năm. Mặc dù thị trường khó khăn, hoạt động kinh doanh khai thác của hai tàu dầu Đại Nam và Đại Minh vẫn giữ được sự ổn định ở mức khá tốt trong suốt khoảng thời gian thực hiện hợp đồng cho thuê tàu định hạn với Công ty Petronas. Việc tận dụng tốt cơ hội thị trường để cho thuê 2 tàu dầu Đại Nam (đã 20 tuổi), Đại Minh (đã 16 tuổi) vào thời điểm hợp lý đã góp phần ổn định doanh thu, đem lại hiệu quả khai thác tàu ở mức cao hơn so với hình thức khai thác "spot" trong bối cảnh thị trường năm 2020 diễn biến rất xấu bởi ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 tại nhiều quốc gia.

- Thị trường Container nội địa đã gặp rất nhiều khó khăn ngay từ đầu năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 bùng phát tại Trung Quốc dẫn tới giao thương tại biên giới với nước này gần như bị đình trệ, nguồn hàng đã khan hiếm lại càng khó khăn hơn, đặc biệt là hàng container lạnh bị sụt giảm trầm trọng. Sau đó, thị trường lại bị ảnh hưởng nhiều hơn bởi dịch bệnh Covid-19 do phải thực hiện chính sách giãn cách xã hội của Chính phủ và tiếp tục duy trì mức kém cho đến Quý 3 - mùa thấp điểm nhất trong năm theo thông lệ. Việc một số hãng tàu hết hạn cho thuê chạy nước ngoài không thể cho thuê được nữa nên phải đưa tàu về chạy tuyến nội địa, đã giảm cước sâu để hút hàng cũng gây sức ép giảm cước và áp lực về nguồn hàng cho đội tàu Container Công ty. Sang quý

4, thị trường dần khởi sắc và tăng trưởng do nhu cầu vận chuyển cuối năm tăng cao và hai tàu container đã tận dụng tốt cơ hội thị trường để hoạt động ổn định và hiệu quả trong quý 4.

3. Một số giải pháp chính đã thực hiện

Trước những khó khăn rất lớn của thị trường do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, Công ty đã áp dụng một số giải pháp chính sau để cố gắng cải thiện kết quả hoạt động chung.

3.1. Tái cơ cấu doanh nghiệp

Tiếp tục phát huy kết quả năm 2019, trong năm 2020 Công ty đã đạt được những kết quả chính sau đây:

Về tái cơ cấu tài chính

Sau nhiều năm nỗ lực đàm phán, Công ty đã tái cơ cấu được khoản nợ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) vào cuối năm 2020 và hiện nay đang tích cực đàm phán để tái cơ cấu khoản nợ cuối cùng đối với các ngân hàng thương mại tại BaovietBank.

Việc tái cơ cấu tài chính đã giúp Công ty từng bước lành mạnh hóa tình hình tài chính, tổng số nợ được xóa và giảm lãi vay, ghi nhận tăng doanh thu tính đến cuối năm 2020 là 679 tỷ đồng và khoan 03 năm không tính lãi tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam (từ 01/7/2016 - 01/7/2019), giảm lãi vay khoảng 190 tỷ đồng.

Về tái cơ cấu tổ chức

Năm 2020, Công ty tiếp tục thực hiện việc sắp xếp lại bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả hơn. Đã tiếp tục sáp nhập một số phòng/ban trong Công ty và giảm bớt lao động tại Chi nhánh TP.HCM. Số lượng phòng, chi nhánh của Công ty đến hết năm 2020 đã giảm từ 25 xuống còn 14 đơn vị, hoàn thành tiến độ trong Đề án Tái cơ cấu.

Đến ngày 31/12/2020, số lượng người lao động tại văn phòng giảm xuống còn 158 người, giảm 48 người so với trước cơ cấu, tương đương giảm 23,3%, hoàn thành tiến độ trong Đề án tái cơ cấu (theo Đề án, số lượng người lao động văn phòng dự kiến giảm 20%). Công ty sẽ tiếp tục rà soát để tinh giản thêm nhân sự nhằm tăng năng suất và hiệu quả làm việc.

Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc chuyển đổi 01 công ty TNHH MTV có hiệu quả kinh doanh thấp sang mô hình công ty cổ phần và thoái vốn tại đây xuống còn 36% vốn điều lệ.

Về tái cơ cấu đội tàu

Năm 2020, Công ty đã thanh lý 02 tàu hàng khô là Vĩnh Hưng và Vega Star. Tàu Đại Nam chưa được thanh lý do tàu là tài sản thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) và việc tái cơ cấu nợ với VCB hoàn thành vào ngày cuối của năm 2020.

Trong năm, Công ty chưa thực hiện việc đầu tư tàu. Để tăng năng lực vận chuyển và kết quả kinh doanh, Công ty đã tích cực tìm kiếm, giao dịch và thuê tàu ngoài với nhiều hình thức (thuê tàu trần, thuê chuyên, relet...).

3.2. Giải pháp về hoạt động kinh doanh

- Khởi khai thác thường xuyên bám sát thị trường để cố gắng đánh giá, tận dụng tốt cơ hội nhằm ký được những chuyến hàng hoặc cho thuê T/c có kết quả tốt nhất, giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực từ dịch Covid. Tìm kiếm các hợp đồng COA để ổn định nguồn hàng, trong năm Công ty có 02 hợp đồng COA.

- Tận dụng tốt cơ hội thị trường để cho thuê 2 tàu dầu Đại Nam (đã 20 tuổi), Đại Minh (đã 16 tuổi) vào thời điểm hợp lý, góp phần ổn định doanh thu, đem lại kết quả khai thác tàu ở mức cao hơn so với hình thức khai thác “spot” trong bối cảnh thị trường năm 2020 diễn biến rất xấu bởi ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 tại nhiều quốc gia.

- Đối với khối tàu container, Công ty đã cố gắng tăng cường phát triển hàng door to door, tận dụng tốt việc hồi phục của thị trường trong quý 4/2020 để cải thiện kết quả. Hiện nay, sau một thời gian dài sử dụng (hơn 10 năm) nên nhiều vỏ của Vosco bị giảm chất lượng. Vì vậy, Công ty đã và đang tìm cách thuê thêm vỏ từ bên ngoài để đáp ứng yêu cầu khách hàng nhằm nâng cao hiệu quả khai thác.

- Các bộ phận quản lý kỹ thuật, vật tư tiếp tục áp dụng nhiều biện pháp có hiệu quả để kiểm soát chi phí nhiên liệu, phụ tùng, vật tư, sửa chữa. Tăng cường kiểm soát chặt chẽ các thông số liên quan đến tiêu thụ nhiên liệu của tàu hàng ngày cũng như trong Nhật ký máy để phát hiện xử lý kịp thời khi có dấu hiệu bất thường, lựa chọn vòng quay khai thác tối ưu và hành trình hợp lý cho từng tàu, sử dụng sơn chống hà, lắp chân vịt phụ để tiết kiệm nhiên liệu. Tăng cường công tác giám sát và hỗ trợ nhận nhiên liệu. Hoàn chỉnh phần mềm kiểm soát tiêu thụ nhiên liệu dầu nhớt, đưa việc kiểm soát tiêu thụ dầu nhớt vào nề nếp, đã thực hiện việc kiểm soát tiêu thụ hàng tháng để phát hiện và xử lý kịp thời các dấu hiệu bất thường.

Chủ động trao đổi với các nhà cung ứng tình hình cấp dầu tại các cảng chính về việc phong tỏa do dịch bệnh và có phương án kịp thời để đảm bảo kế hoạch chạy tàu.

Ngoài các giải pháp thường xuyên ở trên, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, Công ty đã chủ động đàm phán với các nhà cung cấp Sơn, Dầu nhớt và các nhà cung cấp dịch vụ khác để giảm giá.

3.3. Giải pháp về nhân sự

Trong năm qua, Covid-19 đã ảnh hưởng rất nhiều tới hoạt động bình thường của khối thuyền viên. Nhiều nước ra lệnh phong tỏa biên giới, cảng biển, hàng không nên Công ty cũng như nhiều doanh nghiệp khác trên thế giới không thể thay thuyền viên khi cần thiết. Bên cạnh đó, khi tàu đến các cảng, ngay cả khi tàu về Việt Nam, thuyền viên trên tàu bị giám sát ở chế độ đặc biệt không

được đi bờ, thậm chí không được xuống cầu cảng dẫn tới tâm lý thuyền viên bị ảnh hưởng. Nhiều thuyền viên phải bắt đầc dĩ làm việc trên tàu với thời gian dài hơn thời gian của hợp đồng đã ký và rất nhiều giấy tờ của họ đã bị hết hạn. Việc cung ứng thực phẩm, đồ dùng thiết yếu cho tàu cũng gặp khó khăn. Kéo theo đó là giá cả và chi phí cấp thực phẩm, nhu yếu phẩm, nước ngọt cho các tàu tăng lên. Công ty đã hướng dẫn các tàu đặt thực phẩm và đồ thiết yếu đủ dùng cho thời gian dài đề phòng trường hợp tàu đến các cảng không thể cung ứng.

Ngay khi Việt Nam có kết quả khả quan hơn trong việc chống dịch Covid19, Công ty đã cố gắng tìm cách đưa tàu về Việt Nam thay người, dù có những chuyến chạy rỗng hoặc đi chệnh hướng, chịu thiệt hại phát sinh nhiều chi phí và cả chi phí đưa thuyền viên đi cách ly. Đến cuối năm, về cơ bản, Công ty đã bố trí thay được các thuyền viên đi từ trước đợt dịch để ổn định tâm lý cho người lao động.

4. Kết quả hoạt động SXKD trong năm 2020

Mặc dù Công ty đã hết sức nỗ lực và áp dụng nhiều giải pháp tích cực để cải thiện kết quả kinh doanh, thể hiện qua các chỉ tiêu về sản lượng và doanh thu đều vượt kế hoạch khá nhiều nhưng do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, thị trường vận tải biển năm 2020 giảm sút trầm trọng đã ảnh hưởng lớn tới kết quả kinh doanh của Công ty. ĐHĐCĐ giao kế hoạch năm 2020 với số lãi 30,89 tỷ đồng trên cơ sở tái cơ cấu được nợ với VCB và thanh lý thành công tàu Đại Nam, tổng thu của 02 khoản này nếu thực hiện được là khoảng 120 tỷ đồng. Cùng với việc hiệu quả sụt giảm từ việc giảm giá cước khoảng 100 tỷ đồng nên kết quả chung năm 2020, Công ty lỗ -187 tỷ đồng.

1	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	KH 2020	TH năm 2020	So sánh TH 2020 với (%)	
						TH 2019	KH 2020
1	Sản lượng vận chuyển	1.000T	6.775	5.370	6.675	98,52	124,30
	<i>Trong đó, tàu Công ty</i>	<i>1.000T</i>	<i>5.759</i>	<i>4.920</i>	<i>5.372</i>	<i>93,28</i>	<i>109,19</i>
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.805	1.282	1.362	75,46	106,24
	Trong đó, DT vận tải	Tỷ đồng	1.511	1.059	1.261	83,45	119,07
	<i>Tàu Công ty</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1.228</i>	<i>956</i>	<i>1.028</i>	<i>83,71</i>	<i>107,53</i>
3	LN trước thuế	Tỷ đồng	51	30,89	-187		

Về quỹ lương

ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đã phê duyệt quỹ lương năm 2019 của người lao động là 118,193 tỷ đồng và của người quản lý là 2,983 tỷ đồng.

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2020, Công ty đã chi lương cho người lao động là 103,849 tỷ đồng và người quản lý là 2,448 tỷ đồng.

5. Kết quả đầu tư và thanh lý tàu

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã phê duyệt kế hoạch thanh lý tài sản gồm tàu hàng khô Vega Star, trọng tải 22.035 dwt đóng năm 1994 và tàu dầu sản phẩm Đại Nam trọng tải 47.102 dwt đóng năm 2000.

Theo đó, Công ty đã bán và bàn giao tàu Vega Star ngày 10/9/2020. Thực hiện kế hoạch chuyển tiếp từ năm 2019, ngày 12/05/2020, Công ty đã bán và bàn giao tàu Vĩnh Hưng trọng tải 6.596 dwt đóng năm 2002 tại Việt Nam.

Công ty chưa thanh lý được tàu Đại Nam do trong năm tàu vẫn là tài sản thế chấp tại Ngân hàng Vietcombank, việc tái cơ cấu tài chính chỉ được hoàn thành vào ngày cuối của năm nên việc thanh lý tàu sẽ chuyển sang thực hiện trong năm 2021.

6. Về đầu tư khác

Do khó khăn về vốn nên Công ty không thực hiện công tác đầu tư trong năm 2020. Đồng thời, vẫn tiếp tục tìm kiếm các đối tác để thoái vốn tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB). Ngày 23/12/2020, sau khi cổ phiếu MSB được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, Công ty đã triển khai các thủ tục để trình bán số cổ phiếu này và hiện nay đang thực hiện bán.

7. Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020 (đã được kiểm toán)

Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện việc kiểm toán, Hội đồng quản trị xin trình Hội đồng quản trị ĐHCĐ “Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020” với một số chỉ tiêu chính như sau: (Chi tiết xin tham khảo Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020 tóm tắt kèm theo).

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH NĂM 2020

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ đồng)
1	Tổng tài sản	2.796
2	Vốn điều lệ	1.400
3	Vốn chủ sở hữu	508
4	Tổng doanh thu	1.362
5	Lợi nhuận trước thuế	-187
6	Lợi nhuận sau thuế	-187

Phần II

Kế hoạch SXKD năm 2021

1. Dự báo thị trường vận tải biển

Thị trường vận tải biển năm 2021 vẫn còn rất nhiều khó khăn thách thức do dịch bệnh Covid-19 vẫn chưa được kiểm soát và luôn có nguy cơ bùng phát trở lại tại các quốc gia trên thế giới nhất là với việc bùng phát mạnh tại Ấn Độ thời gian vừa qua đã có những tác động tiêu cực tới thị trường vận tải biển. Bên cạnh đó, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung vẫn còn dai dẳng và khó dự đoán. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế thế giới dẫn tới việc thay đổi các tuyến vận tải truyền thống. Tình hình chính trị bất ổn tại một số khu vực trên thế giới đặc biệt là khu vực Trung Đông cũng sẽ dẫn đến những ảnh hưởng tiêu cực đến giá nhiên liệu cũng như nền kinh tế thế giới từ đó tác động tiêu cực lên thị trường vận tải.

Thị trường tàu hàng khô

Bước sang đầu năm 2021, thị trường tàu hàng khô có xu hướng tương đối ổn định với chiều hướng đi lên. Chỉ số tàu hàng khô BDI đã tăng từ mức 1.362 điểm cuối tháng 12/2020 lên mức 1.765 điểm ngày 25/01/2021 nhưng sau đó lại giảm mạnh vào đầu tháng 2 với đợt nghỉ Lễ Tết Âm lịch kéo dài. Tuy nhiên sau kỳ nghỉ, thị trường đột ngột đảo chiều và tăng mạnh đến cuối tháng đặc biệt là phân khúc tàu cỡ Supramax và Handymax. Số lượng các đơn hàng tăng lên đáng kể với mức cước được cải thiện bất chấp giá dầu cũng đã tăng tương đối cao. Chỉ số BDI ngày 01/2 chỉ là 1.444 điểm mà đến cuối tháng 2/2021 đã lên tới mức 1.700 điểm, vượt mức hơn 2.000 điểm trong tháng 3/2021 và hơn 3.000 điểm đầu tháng 5. Điểm nóng hỗ trợ thị trường tăng điểm mạnh những tháng đầu năm là thị trường Ấn Độ, do lượng tàu thiếu hụt trong khi nhu cầu xuất khẩu quặng đi Trung Quốc làm giá cước tăng mạnh kéo theo cả thị trường Thái Bình Dương tăng trên tất cả các tuyến.

Những tín hiệu rất tích cực về nhu cầu luân chuyển hàng hóa và cả giá hàng tăng cao mang lại hy vọng về một năm khá ổn định cho thị trường hàng khô. Tuy nhiên, diễn biến của dịch cúm Covid-19 vẫn đang rất phức tạp trên thế giới. Các biện pháp ngăn ngừa được thắt chặt, làm đình trệ sự luân chuyển hàng hóa đã tác động mạnh đến thị trường toàn cầu, đặc biệt là nền kinh tế Mỹ, Châu Âu, Nam Mỹ. Nền kinh tế Trung Quốc - đầu tàu của thị trường vận tải biển khu vực, được trông chờ sẽ phục hồi sau ảnh hưởng nặng nề kể từ đầu năm 2020, nhưng tình hình còn chậm chạp và hàng xuất khẩu hạn chế. Các chính sách đối đầu về kinh tế với các cường quốc như Mỹ và Úc cũng làm tăng rào cản cho hàng xuất, nhập khẩu. Đặc biệt với sự bùng phát dịch bệnh không kiểm soát được ở Ấn Độ đang là mối lo cho toàn cầu nói chung và thị trường vận tải biển nói riêng.

Thị trường tàu dầu sản phẩm

Trong Báo cáo triển vọng kinh tế toàn cầu, Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) đã hạ triển vọng phục hồi kinh tế của khu vực Trung Đông và Trung Á, dự đoán

tăng trưởng toàn khu vực sẽ giảm 4,1% theo báo cáo triển vọng khu vực mới nhất được công bố. IMF cũng cho rằng giá dầu không thể sớm phục hồi mạnh mẽ, dự đoán mức giá trong khoảng 40 đến 50 USD mỗi thùng vào năm 2021 và đó vẫn là một nửa con số 80 USD/thùng mà các quốc gia Trung Đông cần để cân đối ngân sách của mình.

Tăng trưởng về nguồn cung đội tàu vận chuyển dầu sản phẩm cỡ MR thực tế đã giảm trong những năm gần đây. Tiến trình phá dỡ tàu cũ đang ở mức chậm nhưng các yếu tố về thương mại và đặc biệt là các quy định mới khắt khe hơn từ các tổ chức quốc tế có thể sẽ góp phần thúc đẩy nhanh tiến trình này trong những năm tới. Số lượng tàu MR đóng mới dự kiến được bàn giao trong năm 2021 là khá nhiều, khoảng 80 tàu tương đương 4,023 triệu tấn DWT. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, mặc dù số lượng các tàu phá dỡ ở tuổi dưới 20 đã gia tăng nhưng tựu trung lại thì lượng cung tàu vẫn dư thừa nhiều so với cầu vận chuyển nên thị trường mặc dù sẽ phục hồi sau đại dịch Covid-19 nhưng chắc chắn sẽ không có nhiều đột biến. Hơn nữa diễn biến chính trị phức tạp tại một số khu vực điểm nóng có thể tạo ra những sự thay đổi lớn đến cầu vận chuyển và đây là điều khó có thể biết trước được. Trên thực tế, thị trường tàu dầu sản phẩm đã giảm thấp và rất khó khăn trong những tháng đầu năm. Công ty đã cố gắng cải thiện kết quả kinh doanh của tàu Đại Minh và đã ký được hợp đồng cho thuê định hạn với mức cước khá tốt đến hết năm 2021.

Thị trường tàu container nội địa

Từ trước đến nay lượng hàng hóa luân chuyển giữa hai miền Nam Bắc phụ thuộc nhiều vào việc đóng mở đường biên với Trung Quốc, thêm vào đó việc cấm vận hoặc áp thuế lên hàng hóa giữa Mỹ và Trung Quốc khiến luồng hàng từ nước ngoài đến và đi thay đổi kéo theo sản lượng hàng hóa vận chuyển tuyến nội địa cũng bị thay đổi theo. Một yếu tố nữa đó là sự dịch chuyển các điểm trung chuyển hàng hóa, trước kia HongKong, Singapore là điểm đến của các tàu mẹ, nhưng hiện nay Việt Nam đã thu hút các tàu cỡ lớn cập cảng Lạch Huyện, Cái Mép... Đặc biệt, khi dịch bệnh Covid-19 vẫn còn những diễn biến phức tạp, thị trường container nội địa năm 2021 rất khó dự đoán, tuy nhiên, trong những tháng đầu năm, Công ty đã tận dụng cơ hội thị trường, đồng thời đã tích cực điều chỉnh chính sách, tìm kiếm thị trường mới, đặc biệt là tìm kiếm hợp đồng lâu dài với các khách hàng lớn, ổn định và phát triển hàng door to door để nâng cao hiệu quả khai thác tàu.

2. Kế hoạch đầu tư năm 2021

Chuyển tiếp kế hoạch bán tàu dầu sản phẩm Đại Nam (47.102 DWT đóng năm 2000 tại Nhật Bản) từ năm 2020 sang năm 2021. Do tàu hết hạn giấy tờ và Công ty tính toán việc cho tàu lên đà sửa chữa để tiếp tục khai thác không hiệu quả bằng việc triển khai thanh lý tàu ngay nên Công ty đã cho tàu lay-up từ tháng 10/2020, chờ tái cơ cấu với VCB xong sẽ triển khai các thủ tục bán. Trước những diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid 19, để tránh phát sinh thêm chi phí và giảm thiểu rủi ro, Công ty đã triển khai bán tàu vào đầu năm 2021, tàu đã bán và bàn giao tàu cho người mua ngày 14/5/2021.

Đối với việc thoái vốn tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB), Công ty đang theo dõi thị trường để bán toàn bộ số cổ phiếu đang nắm giữ trong năm 2021 với mục tiêu mang lại hiệu quả tốt nhất có thể.

3. Tiếp tục đề án tái cơ cấu

Trong năm 2021, Công ty sẽ tiếp tục tập trung vào tái cơ cấu nợ vay với các tổ chức tín dụng thông qua DATC theo hướng giảm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi; cân đối đủ dòng tiền để thực hiện các dự án mua - bán nợ đảm bảo khả thi và mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty, cố gắng thực hiện xử lý được nợ tại Baoviet Bank.

Về tái cơ cấu tổ chức: Tiếp tục rà soát, thực hiện tái cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, tăng trách nhiệm người đứng đầu các bộ phận; chuẩn hóa việc đánh giá cán bộ, nhân viên, xây dựng thang bảng điểm để thuận lợi cho việc đánh giá năng lực hiệu quả cán bộ, thuyền viên; hướng tới việc trả lương theo hiệu quả công việc.

Về tái cơ cấu đội tàu: Việc thanh lý tàu Đại Nam đã hoàn thành. Bên cạnh đó, sẽ tiếp tục tích cực thuê tàu bên ngoài để tăng năng lực vận chuyển, tăng khả năng cạnh tranh, sản lượng, doanh thu, tạo thêm việc làm cho người lao động và nâng cao hiệu quả.

4. Chỉ tiêu kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2020	KH 2021	So sánh (%)
1	Sản lượng vận chuyển	1.000 T	6.675	5.000	74,91
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.362	1.227	90,09
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-187	30	

So với năm 2020, đội tàu Công ty giảm 03 tàu là Vĩnh Hưng, Vega Star và Đại Nam, tổng trọng tải 75.635 dwt tương đương giảm 17,5% tổng trọng tải nên chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng và tổng doanh thu giảm so với thực hiện năm 2020.

Trong bối cảnh ngành vận tải biển nói riêng và nhiều ngành nghề khác nói chung đã và đang chịu ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh Covid-19, đội tàu của Công ty lại già thêm 01 tuổi, gặp nhiều khó khăn khi phải cạnh tranh với các tàu trẻ, hiện đại và năng lực vận chuyển của đội tàu bị giảm đi thì các chỉ tiêu trên được xây dựng với quyết tâm cao và công ty sẽ nỗ lực hết sức để có thể duy trì hoạt động ổn định của đội tàu, đạt được kết quả kinh doanh tốt nhất và có lãi.

Để tiếp tục thực hiện việc tái cơ cấu tài chính, HĐQT xin báo cáo chủ trương tái cơ cấu nợ, tái cơ cấu tài chính thông qua việc mua bán nợ giữa DATC và các tổ chức tín dụng. Đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xem xét, xây dựng các giải pháp tái cơ cấu nợ, tái cơ cấu tài chính, cơ cấu lại tài sản để giải quyết dứt điểm công nợ còn tồn đọng, ổn định hoạt động SXKD. Chương trình tái cơ cấu nợ sẽ kéo dài liên tục cho đến khi hoàn tất. HĐQT có trách nhiệm báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện tái cơ cấu nợ tại ĐHĐCĐ hàng năm.

5. Về đơn giá và quỹ lương

Để duy trì được mức thu nhập phù hợp với thị trường lao động, đặc biệt là đối với khối thuyền viên nhằm thu hút và giữ người lao động gắn bó với Công ty, Công ty đề xuất quỹ tiền lương năm 2021 như sau:

- Của người lao động: 114,208 tỷ đồng
- Của người quản lý: 3,629 tỷ đồng

6. Về việc sửa đổi Điều lệ và các Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Ngày 31/12/2020, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Theo đó, Thông tư này đã ban hành Điều lệ mẫu áp dụng đối với Công ty đại chúng và mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019, Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Để đảm bảo tổ chức quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2015, Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan, Công ty đã nghiên cứu và tiến hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trình ĐHCĐ thông qua. (Có Tờ trình riêng về nội dung này).

7. Một số giải pháp chính

Để thực hiện kế hoạch SXKD và Đề án tái cơ cấu, Công ty sẽ tập trung vào một số giải pháp chính sau:

- Tập trung nguồn lực để tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu Công ty, trong đó tập trung vào việc tái cơ cấu nợ với các dự án đầu tư tàu còn lại tại các ngân hàng thương mại.

- Tập trung tìm tàu phù hợp để đầu tư hoặc thuê bareboat, đặc biệt là tàu dầu sản phẩm cỡ MR và tàu hàng rời cỡ Supramax/Handysize.

- Tiếp tục rà soát để tái cơ cấu tổ chức nhằm tinh gọn bộ máy tổ chức và nhân sự, tuyển dụng đào tạo nhân lực có chất lượng để bổ sung cho một số phòng. Có biện pháp phù hợp để tuyển dụng, đào tạo thuyền viên, kết hợp với việc nâng cao đời sống cho người lao động để thu hút và giữ chân người lao động, giảm thiểu tình trạng thiếu hụt về số lượng, yếu về chất lượng.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường, tình hình dịch bệnh Covid-19 để cố gắng tìm kiếm, lựa chọn, đánh giá các lô hàng phù hợp nhất nhằm hạn chế tác động của Covid 19 đến hoạt động đội tàu. Chủ động, khẩn cấp hơn nữa trong việc đánh giá thị trường, tìm kiếm hàng, đôn đốc, thu xếp 2 đầu bến để giảm chi phí ngày tàu, tăng khả năng quay vòng của tàu.

- Đưa thêm tàu vào khai thác tại những thị trường có đòi hỏi cao nhưng có hiệu quả cao hơn như tại Atlantic, Nhật Bản, Châu Âu, Úc... Tiếp tục tìm kiếm các hợp đồng COA có sản lượng lớn, hướng tới ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của đội tàu. Đội tàu container cho thuê khoang (slot) chiếm tỷ trọng tối thiểu 50% tổng sản lượng hàng nội địa. Tỷ lệ hàng door to door trong tổng sản lượng hàng nội địa chiếm tỷ lệ tối thiểu 25%.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý đặc biệt là quản lý nhiên liệu, phụ tùng, vật tư, bảo quản bảo dưỡng của thuyền viên để giảm tiêu thụ, chống thất thoát, giảm chi phí. Nâng cao hơn nữa công tác quản lý kỹ thuật, vật tư, nhiên liệu, bảo quản bảo dưỡng của thuyền viên để giảm thiểu sự cố và tiết kiệm chi phí.

- Tiếp tục triển khai ứng dụng các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên đây là Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam. Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 xem xét và phê duyệt.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận: *W*
- Như trên;
- BDH, BKS Công ty;
- Lưu: VT, KHTH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC**



Cao Minh Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT TỔNG HỢP NĂM 2020 (ĐÃ KIỂM TOÁN)

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
A	Tài sản ngắn hạn	829.327.979.147	824.980.309.112
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	53.009.600.464	61.285.997.411
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	86.500.000.000	87.002.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	578.620.411.136	548.041.745.766
4	Hàng tồn kho	75.028.554.197	90.979.418.523
5	Tài sản ngắn hạn khác	36.169.413.350	37.671.147.412
B	Tài sản dài hạn	1.966.628.225.076	2.280.181.786.618
1	Các khoản phải thu dài hạn	5.214.900.000	9.063.030.561
2	Tài sản cố định	1.801.900.584.593	2.104.163.263.984
	- Tài sản cố định hữu hình	1.793.032.291.971	2.094.905.705.471
	- Tài sản cố định thuê tài chính	0	0
	- Tài sản cố định vô hình	8.868.292.622	9.257.558.513
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Tài sản dở dang dài hạn	0	0
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	86.427.310.070	99.833.397.343
6	Tài sản dài hạn khác	73.085.430.413	67.122.094.730
	Tổng cộng tài sản	2.795.956.204.223	3.105.162.095.730
A	Nợ phải trả	2.287.458.806.640	2.409.406.629.962
1	Nợ ngắn hạn	911.949.821.618	1.173.193.362.158
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	405.814.167	425.414.167
2	Nợ dài hạn	1.375.508.985.022	1.236.213.267.804
B	Vốn chủ sở hữu	508.497.397.583	695.755.465.768
1	Vốn chủ sở hữu	508.497.397.583	695.755.465.768
	- Vốn góp của chủ sở hữu	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	1.777.018.739	1.777.018.739
	- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	0	0
	- Vốn khác của chủ sở hữu	0	0
	- Cổ phiếu quỹ	0	0
	- Quỹ đầu tư phát triển	27.916.312.330	27.916.312.330
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-921.195.933.486	-733.937.865.301
	- Lợi ích cổ đông không kiểm soát		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
	Tổng cộng nguồn vốn	2.795.956.204.223	3.105.162.095.730

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	2020
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.544.380.987.170	1.281.252.463.965
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	5.989.264.095	3.982.511.836
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.538.391.723.075	1.277.269.952.129
4	Giá vốn hàng bán	1.551.284.817.195	1.310.986.104.537
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-12.893.094.120	-33.716.152.408
6	Doanh thu hoạt động tài chính	7.824.602.260	11.581.591.476
7	Chi phí hoạt động tài chính	94.192.378.877	123.171.819.166
	- Chi phí lãi vay	92.206.517.771	121.718.262.497
8	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	0	0
9	Chi phí bán hàng	43.182.540.798	27.011.056.816
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	43.521.183.184	87.603.554.653
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-185.964.594.719	-259.920.991.567
12	Thu nhập khác	248.059.342.201	72.821.799.581
13	Chi phí khác	13.159.394.509	176.557.911
14	Lợi nhuận khác	234.899.947.692	72.645.241.670
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	48.935.352.973	-187.275.749.897
16	CP thuế thu nhập DN hiện hành	0	0
17	CP thuế thu nhập DN hoãn lại	219.600.042	-17.681.712
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN	48.715.752.931	-187.258.068.185
19	LNST của Công ty mẹ	48.715.752.931	-187.258.068.185
20	LNST của cổ đông không kiểm soát	0	0
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	348	-1.338
22	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	348	-1.338

III. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu		Năm 2019	Năm 2020
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/tổng tài sản	%	73,43	70,34
	- Tài sản ngắn hạn/tổng tài sản	%	26,57	29,66
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/tổng nguồn vốn	%	77,59	81,81
	- Vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn	%	22,41	18,19
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,63	0,83
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,70	0,91
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Lợi nhuận trước thuế/tổng tài sản	%	1,58	
	- Lợi nhuận trước thuế/doanh thu thuần	%	3,18	
	- Lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu	%	7,03	

BÁO CÁO

Về việc quỹ thù lao HĐQT và BKS năm 2020, dự kiến năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vận tải biển Việt Nam

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo về việc thực hiện thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và mức chi dự kiến cho năm 2021 như sau:

1. Mức thù lao của năm 2020

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty thông qua ngày 12/6/2020, mức thù lao cho HĐQT Công ty là 290 triệu đồng và Ban Kiểm soát là 85 triệu đồng.

Trong năm 2020, thị trường vận tải biển chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19 nên vô cùng khó khăn. Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đã hoạt động tích cực, theo sát những diễn biến của thị trường để có những chỉ đạo kịp thời đối với mọi hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt là về tái cơ cấu tài chính, tái cơ cấu đội tàu và tái cơ cấu tổ chức. Kết quả đã hoàn thành các chỉ tiêu về sản lượng và doanh thu, còn chỉ tiêu hiệu quả chưa hoàn thành chủ yếu do nguyên nhân từ giá cước vận tải giảm quá sâu, việc tái cơ cấu nợ với Vietcombank chỉ có thể hoàn thành vào ngày cuối của năm do áp lực từ phía ngân hàng nên kết quả tái cơ cấu chưa được tính trong năm 2020. Đồng thời, chưa thanh lý được tàu Đại Nam như kế hoạch do tàu này là tài sản thế chấp tại Vietcombank. Trong đó, việc tái cơ cấu nợ thành công với Vietcombank là kết quả của sự nỗ lực rất lớn của Công ty trong hơn 3 năm đàm phán tái cơ cấu nợ.

Vì vậy, HĐQT thống nhất nhận thù lao năm 2020, tổng cộng là 288 triệu đồng, bằng 99,31% mức được phê duyệt và BKS là 84 triệu đồng, bằng 98,82% mức được phê duyệt.

Chi tiết thù lao của các thành viên HĐQT (có trong Báo cáo hoạt động của HĐQT)

Chi tiết thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát (có trong Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát)

Trên cơ sở phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, chi phí thù lao HĐQT và BKS sẽ được hạch toán vào chi phí sản xuất năm 2021.

2. Dự kiến mức thù lao năm 2021

Căn cứ dự kiến mức thu nhập của cán bộ công nhân viên Công ty năm 2021 và số lượng UV.HĐQT, xin trình mức thù lao cho HĐQT năm 2021 là 288 triệu đồng, tương đương mức thực hiện của năm 2020.

Đối với thù lao Ban Kiểm soát, căn cứ dự kiến mức thu nhập của cán bộ công nhân viên Công ty năm 2021 và số lượng UV.BKS, cân đối với mức thù lao của HĐQT, xin trình mức thù lao của Ban Kiểm soát là 84 triệu đồng.

Trên cơ sở diễn biến thị trường và trong trường hợp Công ty không có lợi nhuận, HĐQT và BKS sẽ điều chỉnh giảm mức thù lao cho phù hợp với tình hình thực tế để thể hiện trách nhiệm của mình và cùng chia sẻ khó khăn với Công ty.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận: ✓
- Như trên;
- BKS Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Việt Hoài

Số: 323/TTr-BKS

Hải Phòng, ngày 16 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam,

Ban Kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ danh sách 02 công ty kiểm toán đủ điều kiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty như sau:

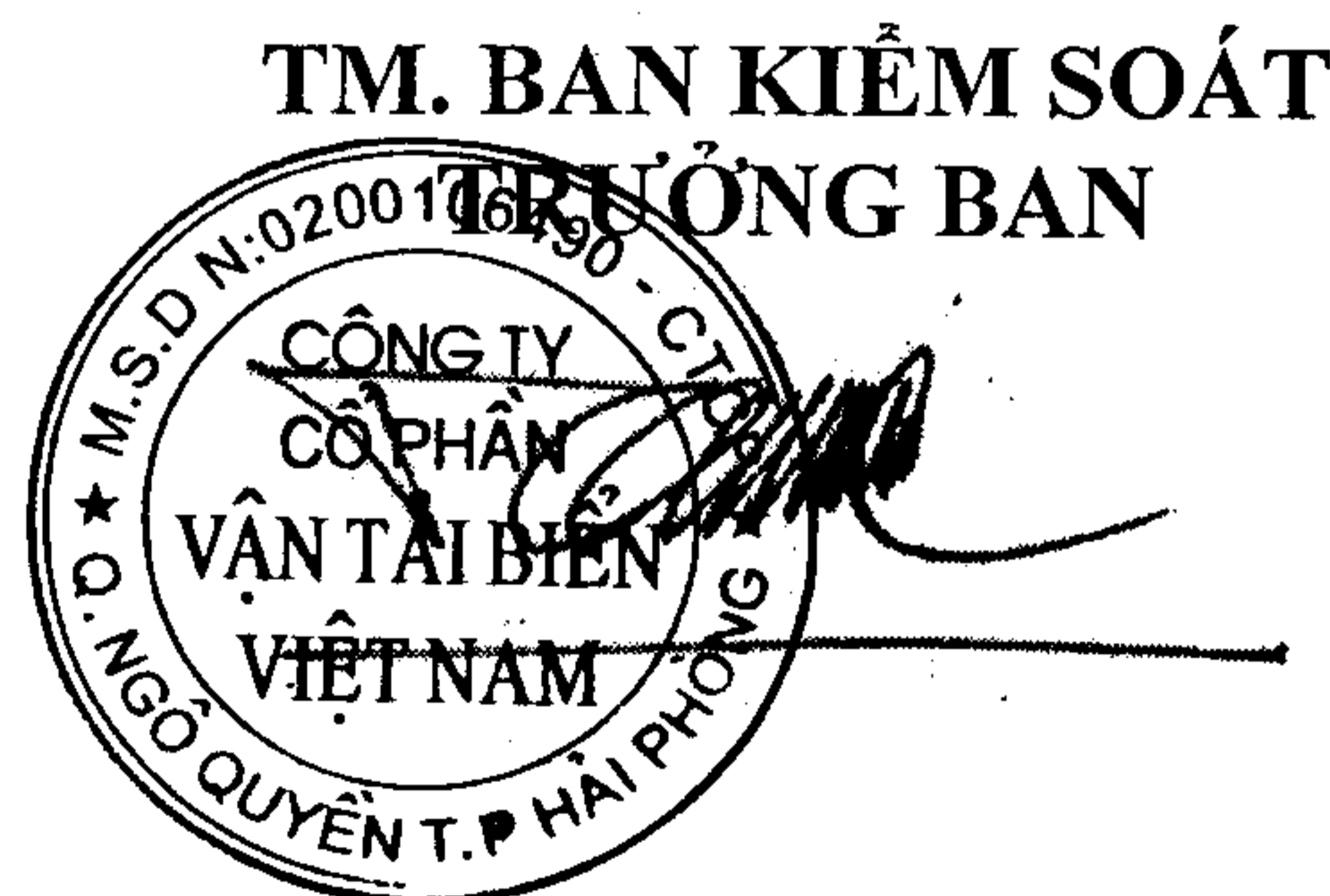
STT	Tên công ty
1	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
2	CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam trân trọng kính trình ĐHĐCĐ thông qua danh sách 02 công ty kiểm toán trên đây và ủy quyền cho HĐQT Công ty căn cứ tình hình thực tế sẽ lựa chọn một trong các công ty nói trên để tiến hành kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính năm 2021.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BDH;
- Lưu VT, BKS.



Đỗ Tuấn Nam

BÁO CÁO

Về việc quỹ thù lao HĐQT và BKS năm 2020, dự kiến năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vận tải biển Việt Nam

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo về việc thực hiện thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và mức chi dự kiến cho năm 2021 như sau:

1. Mức thù lao của năm 2020

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty thông qua ngày 12/6/2020, mức thù lao cho HĐQT Công ty là 290 triệu đồng và Ban Kiểm soát là 85 triệu đồng.

Trong năm 2020, thị trường vận tải biển chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19 nên vô cùng khó khăn. Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đã hoạt động tích cực, theo sát những diễn biến của thị trường để có những chỉ đạo kịp thời đối với mọi hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt là về tái cơ cấu tài chính, tái cơ cấu đội tàu và tái cơ cấu tổ chức. Kết quả đã hoàn thành các chỉ tiêu về sản lượng và doanh thu, còn chỉ tiêu hiệu quả chưa hoàn thành chủ yếu do nguyên nhân từ giá cước vận tải giảm quá sâu, việc tái cơ cấu nợ với Vietcombank chỉ có thể hoàn thành vào ngày cuối của năm do áp lực từ phía ngân hàng nên kết quả tái cơ cấu chưa được tính trong năm 2020. Đồng thời, chưa thanh lý được tàu Đại Nam như kế hoạch do tàu này là tài sản thế chấp tại Vietcombank. Trong đó, việc tái cơ cấu nợ thành công với Vietcombank là kết quả của sự nỗ lực rất lớn của Công ty trong hơn 3 năm đàm phán tái cơ cấu nợ.

Vì vậy, HĐQT thống nhất nhận thù lao năm 2020, tổng cộng là 288 triệu đồng, bằng 99,31% mức được phê duyệt và BKS là 84 triệu đồng, bằng 98,82% mức được phê duyệt.

Chi tiết thù lao của các thành viên HĐQT (có trong Báo cáo hoạt động của HĐQT)

Chi tiết thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát (có trong Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát)

Trên cơ sở phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, chi phí thù lao HĐQT và BKS sẽ được hạch toán vào chi phí sản xuất năm 2021.

2. Dự kiến mức thù lao năm 2021

Căn cứ dự kiến mức thu nhập của cán bộ công nhân viên Công ty năm 2021 và số lượng UV.HĐQT, xin trình mức thù lao cho HĐQT năm 2021 là 288 triệu đồng, tương đương mức thực hiện của năm 2020.

Đối với thù lao Ban Kiểm soát, căn cứ dự kiến mức thu nhập của cán bộ công nhân viên Công ty năm 2021 và số lượng UV.BKS, cân đối với mức thù lao của HĐQT, xin trình mức thù lao của Ban Kiểm soát là 84 triệu đồng.

Trên cơ sở diễn biến thị trường và trong trường hợp Công ty không có lợi nhuận, HĐQT và BKS sẽ điều chỉnh giảm mức thù lao cho phù hợp với tình hình thực tế để thể hiện trách nhiệm của mình và cùng chia sẻ khó khăn với Công ty.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận: ✓
- Như trên;
- BKS Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Việt Hoài

Số: 321 /BC-BKS

Hải Phòng, ngày 16 tháng 6 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam.

- Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam;

- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC; tình hình hoạt động, báo cáo và hồ sơ của Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam trong năm tài chính 2020;

Tôi xin thay mặt Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam báo cáo trước Đại hội các nội dung như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát gồm 3 thành viên được Đại hội đồng cổ đông bầu phù hợp với quy định tại Điều lệ và Luật Doanh nghiệp. Ban Kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các báo cáo hàng kỳ; Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, tuân thủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các Người quản lý khác trong việc quản lý, điều hành Công ty; Kiểm tra và giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong công tác quản lý và điều hành thực hiện nhiệm vụ;

- Thẩm định báo cáo kiểm toán của Công ty Kiểm toán, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2020; Xem xét việc tuân thủ và chấp hành các quy định về đảm bảo an toàn trong kinh doanh, các rủi ro tiềm ẩn.

- Ban Kiểm soát đã tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị và tham gia ý kiến về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Để tiết kiệm chi phí, các cuộc họp của Ban Kiểm soát thường được kết hợp với các cuộc họp Hội đồng quản trị. Trong năm 2020, do tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp, Ban Kiểm soát tăng cường việc trao đổi thông tin qua các phương tiện thông tin liên lạc trên nền tảng di động và máy tính. Ban Kiểm soát không nhận được yêu cầu kiểm tra bất thường của cổ đông hay nhóm cổ đông nào.

Các thành viên Ban Kiểm soát đều hoạt động không chuyên trách, hưởng thù lao theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2020 đã thông qua. Trong năm 2020, các KSV đã nhận số tiền thù lao chi tiết như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Giai đoạn	Thù lao đã nhận trước thuế (VND)
1	Đỗ Tuấn Nam	Trưởng ban KS	T1-T12/2020	36.000.000
2	Nguyễn Thị Minh Thu	Thành viên BKS	T1-T12/2020	24.000.000
3	Vũ Thị Toan	Thành viên BKS	T1-T12/2020	24.000.000
	Tổng cộng			84.000.000

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Về thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

Kết quả thực hiện năm 2020:

1	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Kế hoạch 2020	TH năm 2020	So sánh TH 2020 với (%)	
						TH 2019	KH 2020
	2	3	4	5	6		
1	Sản lượng vận chuyển	1.000T	6.775	5.372	6.675	98,52	124,25
	<i>Trong đó, đội tàu Công ty</i>	<i>1.000T</i>	<i>5.759</i>	<i>4.922</i>	<i>5.372</i>	<i>93,28</i>	<i>109,14</i>
2	Sản lượng luân chuyển	Triệu TKM	20.150	13.473	21.698	107,68	161,05
	<i>Trong đó, đội tàu Công ty</i>	<i>Triệu TKM</i>	<i>17.959</i>	<i>12.173</i>	<i>18.344</i>	<i>102,08</i>	<i>150,69</i>
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.805	1.282	1.362	75,46	106,24
	<i>Trong đó, doanh thu vận tải</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1.511</i>	<i>1.045</i>	<i>1.261</i>	<i>83,45</i>	<i>120,67</i>
	<i>Đội tàu Công ty</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1.228</i>	<i>957</i>	<i>1.028</i>	<i>83,71</i>	<i>107,42</i>
4	LN trước thuế	Tỷ đồng	51	31	-187		

(Số liệu BCTC tổng hợp năm 2020 đã kiểm toán)

Tính đến ngày 31/12/2020, Công ty sở hữu đội tàu 12 chiếc với tổng trọng tải 405.112 dwt gồm 08 tàu hàng khô, hàng rời, 02 tàu dầu sản phẩm và 02 tàu container, cùng với một số tàu thuê định hạn nên số lượng tàu khai thác thường xuyên khoảng 13-14 tàu.

Năm 2020 là năm tiếp tục khó khăn của ngành vận tải biển do những ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19 với nhiều thời điểm thị trường giảm sâu, mức cước vận chuyển rất thấp, hàng hóa khan hiếm, tàu không thể vào cảng làm hàng hoặc thay thuyền viên. Công ty cùng tập thể người lao động đã quyết tâm áp dụng nhiều biện pháp tích cực, chủ động trong hoạt động khai thác đội tàu, quản lý kỹ thuật, nhiên liệu, phụ tùng vật tư, bố trí điều động và thay thuyền viên. Đồng thời, tiếp tục quyết liệt triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu theo 03 hướng tái cơ cấu tổ chức, tái cơ cấu đội tàu và đặc biệt là tái cơ cấu tài chính để ổn định sản xuất kinh doanh, giảm bớt thiệt hại do dịch bệnh gây ra.

Doanh thu: Vosco hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu được giao năm 2020 với tổng số doanh thu và thu nhập khác thực hiện vượt 6,24% so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông năm 2020 giao (trong đó doanh thu từ hoạt động vận tải vượt 20,67% so với kế hoạch). Tổng doanh thu năm 2020 của Vosco có xu hướng giảm mạnh do công ty đang trong giai đoạn tái cơ cấu tài chính, bán bớt các tài sản (chủ yếu tàu biển) để xử lý nợ Ngân hàng thông qua DATC.

Doanh thu tài chính của Vosco không có nhiều biến động do chủ yếu là tiền lãi gửi ngân hàng, Công ty tiếp tục tập trung nguồn tiền để trả nợ, và đàm phán với các ngân hàng để xử lý nợ.

Thu nhập khác: chủ yếu từ hoạt động thanh lý, nhượng bán tàu Vĩnh Hưng và tàu Vega Star.

Chi phí: Do ảnh hưởng của dịch bệnh, tổng chi phí năm 2020 cũng giảm nhưng tỷ lệ giảm thấp hơn tỷ lệ giảm của doanh thu. Cụ thể:

- Giá vốn hàng bán năm 2020 giảm bằng 84,5% so với thực hiện năm 2019 nhưng cao hơn tốc độ giảm của doanh thu (giảm 83%). Tỷ suất giá vốn trên doanh thu thuần năm 2019 là 101% nhưng năm 2020 tăng lên 102,6%; lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 âm – 33,7 tỷ đồng.

- Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp năm 2020 là 114,6 tỷ đồng, tăng 27,9 tỷ đồng so với năm 2019 chủ yếu do trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi vào chi phí QLDN.

Chi phí lương: ĐHCĐ giao quỹ lương của người lao động là 118,19 tỷ đồng, của người quản lý là 2,98 tỷ đồng. Thực hiện thực tế đã chi lương của người lao động là 103,85 tỷ đồng và người quản lý là 2,44 tỷ đồng.

- Chi phí tài chính tăng do lãi vay ngân hàng VDB năm 2019, Vosco được khoan nợ, miễn lãi 6 tháng đầu năm, chịu lãi vay từ 1/7 đến 31/12.

Lợi nhuận: So với kế hoạch năm 2020 được giao, Vosco không hoàn thành được chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế mà lỗ đến 187 tỷ đồng. Ngoài yếu tố hoạt động khai thác tàu, kết quả kinh doanh năm 2020 Vosco còn bị ảnh hưởng của việc chưa hoàn tất việc xử lý nợ với VCB và thanh lý tàu Đại Nam (chuyển sang thực hiện vào năm 2021).

Công ty đã mua bảo hiểm đầy đủ với giá trị phù hợp cho các tài sản cố định theo đúng quy định.

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã ký hợp đồng thuê Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán BCTC năm 2020. Kiểm toán viên độc lập cũng đã đưa ra ý kiến và Ban Kiểm soát cũng thống nhất với ý kiến:

“Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

Kiến nghị, đề xuất: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC lưu ý về thuyết minh số 34 về khả năng hoạt động liên tục tại báo cáo tài chính do nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 82,62 tỷ đồng, số lỗ lũy kế (921,2 tỷ đồng), số dư nợ vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn 470,59 tỷ đồng. Vosco cần tích cực tái cơ cấu lại các khoản vay này thông qua các biện pháp tái cơ cấu tài chính.

2. Công tác quản lý và đầu tư tài sản cố định & xây dựng cơ bản, quản lý và đầu tư tài chính

- Tái cơ cấu đội tàu: Năm 2020 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt kế hoạch thanh lý tài sản gồm tàu hàng khô Vega Star, trọng tải 22.035 DWT đóng năm 1994 và tàu dầu sản phẩm Đại Nam trọng tải 47.102 DWT đóng năm 2000.

Trong năm, Công ty đã bán và bàn giao tàu Vega Star ngày 10/9/2020. Thực hiện kế hoạch chuyển tiếp từ năm 2019, ngày 12/05/2020, Công ty đã bán và bàn giao tàu Vĩnh Hưng trọng tải 6.596 DWT đóng năm 2002 tại Việt Nam.

Công ty chưa thanh lý được tàu Đại Nam do trong năm tàu vẫn là tài sản thế chấp tại Ngân hàng Vietcombank, việc tái cơ cấu tài chính chỉ được hoàn thành vào ngày cuối của năm nên việc thanh lý tàu sẽ chuyển sang thực hiện trong năm 2021. Công ty đã bán và bàn giao tàu cho người mua ngày 14/5/2021.

- Vosco hiện đang đầu tư góp vốn tại 2 doanh nghiệp gồm Công ty TNHH MTV Đại lý tàu biển và Logistics Vosco (VOSAL – giữ 100% vốn điều lệ; tháng 12/2020 đã thoái vốn xuống còn nắm giữ 36% vốn điều lệ) và Công ty cổ phần TM&DV VOSCO (VTSC – giữ 46,45% vốn điều lệ); tham gia đầu tư tài chính với Công ty CP SSV (giữ 40% vốn điều lệ). Các doanh nghiệp này về cơ bản đều có lãi nhưng không cao.

Vosco còn nắm giữ 8,75 triệu cổ phiếu Ngân hàng Hàng hải Việt Nam (MSB) với giá trị sổ sách 73,65 tỷ đồng. Ngày 23/12/2020, sau khi cổ phiếu MSB được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, Công ty đã triển khai các thủ tục để trình bán số cổ phiếu này và hiện nay đang thực hiện bán.

- Do khó khăn về vốn nên Công ty không thực hiện công tác đầu tư trong năm 2020 mà tập trung cho xử lý nợ qua DATC. Thực hiện Nghị quyết 107 của Chính phủ, sau nhiều nỗ lực đàm phán, Công ty đã hoàn thành việc tái cơ cấu nợ tại ngân hàng VCB vào cuối tháng 12/2020.

- Tái cơ cấu tổ chức, đã giảm số lượng người lao động văn phòng xuống còn 158 người, đạt tiến độ trong Đề án tái cơ cấu.

3. Đánh giá tình hình tài chính:

3.1. Về khả năng thanh toán:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020
Các chỉ tiêu thanh khoản			
1. Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	0.05	0.06
2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0.70	0.91
3. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	-0.11	-0.07
4. Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1.29	1.22
5. Khả năng thanh toán nợ dài hạn	Lần	0.00	0.00
6. Khả năng thanh toán nợ dài hạn đến hạn	Lần	0.62	0.52
7. Khả năng thanh toán lãi vay	Lần	29.21	
8. Tài sản dài hạn trên tổng nợ dài hạn và vốn CSH	Lần	1.18	1.04

3.2. Về các chỉ tiêu hoạt động

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020
Các chỉ tiêu hoạt động			
1. Vòng quay nợ phải thu	Vòng	7.86	6.92
2. Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	45.78	52.00
3. Kỳ thanh toán tiền bình quân	Ngày	53.11	72.40
4. Vòng quay của tài sản	Vòng	0.46	0.43

3.3. Về khả năng tự tài trợ vốn

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020
Các chỉ tiêu tài trợ vốn			
1. Vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn	%	22.41	18.19
2. Vốn chủ sở hữu trên tài sản dài hạn	%	30.51	25.86
3. Vốn chủ sở hữu trên tài sản cố định	%	33.07	28.22

Năm 2020, hoạt động kinh doanh của Vosco kém hiệu quả hơn so với năm 2019 chủ yếu do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid 19. Các chỉ tiêu hoạt động về vòng quay nợ phải thu và vòng quay tài sản giảm; tương ứng kỳ thu tiền và kỳ thanh toán tiền bình quân tăng.

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán đều giảm, ngoài nguyên nhân do kinh doanh khó khăn, dòng tiền của Vosco giảm do phải trả cho khoản tái cơ cấu nợ qua DATC. Sau khi tái cơ cấu nợ, khoản nợ phải trả giảm nên các chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản/ tổng nguồn vốn tăng so với các năm trước.

Kiến nghị, đề xuất: Vosco đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2020 hơn 27 tỷ đồng. Giá gốc của Khoản nợ xấu khó có khả năng thu hồi lên đến 78,1 tỷ đồng tỷ đồng.

Vosco phát sinh một số khoản nợ phải thu khó đòi với công ty DIC, Metro... dẫn đến phải trích lập rủi ro dự phòng phải thu khó đòi mặc dù hợp đồng cho nợ kỳ hạn dài. Cụ thể:

Công nợ DIC : 124.986.486.930 đồng (Nợ quá hạn : 73.450.826.662 đồng) đã dự phòng 33.122.118.251 đồng

Công nợ của METRO L.t.d : 25.879.040.208 đồng

Vosco cần tập trung thu hồi nợ và thực hiện các biện pháp pháp lý để thu hồi nợ; Lưu ý ngoài việc tiếp tục đòi nợ liên tục, cần thu thập đủ hồ sơ, đối chiếu công nợ đảm bảo các điều kiện theo quy định.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Qua công tác kiểm tra, giám sát Ban Kiểm soát nhận thấy:

Công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty trong năm 2020 tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động, Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT, các quy định pháp luật có liên quan.

Hội đồng quản trị đã tiến hành họp định kỳ để triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp đầy đủ theo quy định.

Hội đồng quản trị đã ban hành 24 Nghị quyết, Quyết định liên quan đến các vấn đề: hoạt động của công ty, thực hiện và các biện pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh; sắp xếp lại bộ máy tổ chức của công ty nhằm đảm bảo tinh gọn và phục vụ sản xuất kinh doanh, hoàn thiện các quy trình, quy chế quản trị doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị thường xuyên chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc và Ban Điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

Tổng giám đốc và Ban Điều hành đã chủ động và nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông giao; chủ động trong công tác

tái cấu trúc bộ máy nhân sự và quản lý doanh nghiệp; chủ động trong công tác tái cơ cấu nợ nhưng tiến độ tái cơ cấu chưa đạt kế hoạch đề ra.

Kiến nghị, đề xuất:

Đề nghị Hội đồng quản trị công ty chỉ đạo khẩn trương: nhanh chóng hoàn thành tái cơ cấu nợ theo chỉ đạo của Chính phủ tại NQ 107/NQ-CP và cùng với Tổng công ty Hàng hải Việt Nam báo cáo cấp có thẩm quyền để tái cơ cấu triệt để các khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam đối với các dự án đóng mới tàu trong nước.

Đề nghị Hội đồng quản trị công ty chỉ đạo khẩn trương làm việc với các bên liên quan để giải quyết dứt điểm dư nợ còn tồn đọng liên quan tới việc sửa chữa tàu Vinashin Atlantic theo Biên bản thỏa thuận 03 bên và khoản tiền lãi phát sinh do chậm nộp tiền cổ phần hóa.

Từ ngày 01/01/2021, nhiều văn bản pháp luật mới có hiệu lực như Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Luật Đầu tư 2020, Luật Lao động 2019... Vì vậy, đề nghị Hội đồng quản trị công ty tiếp tục chỉ đạo ban điều hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy định, quy chế nội bộ phù hợp với sự thay đổi của pháp luật; tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ và công tác quản trị rủi ro.

Đề nghị Ban Điều hành tiếp tục thực hiện triệt để tiết giảm chi phí trong quản trị, điều hành và sản xuất kinh doanh. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các Quy chế, Quy định để nâng cao hiệu quả quản lý trình Hội đồng quản trị xem xét theo thẩm quyền.

IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm soát xem xét kết quả và thẩm định Báo cáo tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo kiểm toán của Công ty Kiểm toán AASC; xem xét ý kiến phản hồi của Ban lãnh đạo Công ty trước khi trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Ban Kiểm soát cũng đã thực hiện giám sát đối với hoạt động quản lý, điều hành, tình hình quản lý và sử dụng vốn, khả năng thanh toán, công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính hàng quý.

Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ. Cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty. Ban Kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị của Công ty và các cuộc họp cần thiết khác.

Hầu hết các ý kiến đóng góp của Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban Điều hành đều được ghi nhận và điều chỉnh kịp thời.

V. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2021

Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo qui định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật trong đó tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý, 6 tháng và cả năm 2021.

- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đề ra.

- Đánh giá hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu; Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra, kiểm toán trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị, giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản các đoàn kiểm tra, kiểm toán.

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh, công tác đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty;

- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động, tình hình thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của cơ quan quản lý cấp trên;

- Thực hiện các công việc khác của Ban Kiểm soát theo yêu cầu của ĐHĐCĐ.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, Ban ĐH;
- Lưu: VT, Ban KS,



BÁO CÁO
Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020,
và định hướng hoạt động năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam;

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021 như sau:

Phần 1

Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020

1. Về nhân sự và tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty gồm 07 thành viên. Năm 2020, HĐQT Công ty đã hoạt động nghiêm túc với 04 kỳ họp định kỳ, ban hành 24 Nghị quyết và 21 Phiếu ý kiến để nhanh chóng quyết định và chỉ đạo các hoạt động của Công ty. Các cuộc họp đều có sự tham dự của Ban kiểm soát và một số cán bộ quản lý khác theo yêu cầu của từng cuộc họp.

2. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2020

Căn cứ Nghị quyết của ĐHCĐ, Hội đồng quản trị đã giám sát, chỉ đạo sát sao hoạt động của Ban điều hành thông qua các Nghị quyết, Quyết định.

Năm 2020 là năm rất khó khăn của ngành vận tải biển do những ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19 với nhiều thời điểm thị trường giảm sâu, mức cước vận chuyển rất thấp, hàng hóa khan hiếm, tàu không thể vào cảng làm hàng hoặc thay thuyền viên. Ngoài ra, nguồn nhân lực gặp nhiều khó khăn khi nghề đi biển không còn hấp dẫn như trước kia nên không thu hút được lao động, nhiều

thuyền viên đã chuyển nghề hoặc bị các công ty vận tải biển khác nhất là các đơn vị cung ứng thuyền viên đi tàu thuê cho nước ngoài lôi kéo.

Trước những thách thức đó, Lãnh đạo Công ty cùng tập thể người lao động đã quyết tâm áp dụng nhiều biện pháp tích cực, chủ động trong hoạt động khai thác đội tàu, quản lý kỹ thuật, nhiên liệu, phụ tùng vật tư, bố trí điều động và thay thuyền viên. Công ty luôn cố gắng tìm kiếm các cơ hội và đề ra các giải pháp để quyết tâm đưa Công ty từng bước vượt qua khó khăn, ổn định sản xuất. Cụ thể một số biện pháp chính như sau:

- Tiếp tục quyết liệt triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu theo 03 hướng tái cơ cấu tổ chức, tái cơ cấu đội tàu và đặc biệt là tái cơ cấu tài chính để ổn định sản xuất kinh doanh, giảm bớt thiệt hại do dịch bệnh gây ra.

Về tái cơ cấu tài chính: Năm 2020, sau nhiều năm nỗ lực đàm phán, Công ty đã tái cơ cấu được khoản nợ tại Ngân hàng Vietcombank. Hiện nay, Công ty đang tích cực đàm phán với DATC và Baovietbank để tái cơ cấu các khoản nợ còn lại.

Về tái cơ cấu tổ chức, Công ty đã giảm số đầu mối từ 25 xuống còn 14 đơn vị. Số người lao động tại văn phòng giảm 23% so với trước tái cơ cấu.

Về tái cơ cấu đội tàu: Công ty tiếp tục rà soát, đánh giá và tiến hành tái cơ cấu đội tàu theo hướng thanh lý những tàu tuổi cao, đã hết khấu hao, khai thác không hiệu quả hoặc không phù hợp với định hướng các lô hàng tiềm năng của Công ty. Trong năm, Công ty đã thanh lý tàu Vĩnh Hưng và tàu Vega Star. Công ty chưa thanh lý được tàu Đại Nam do trong năm 2020 tàu vẫn là tài sản thế chấp tại VietcomBank, việc tái cơ cấu tài chính chỉ hoàn thành vào ngày cuối năm nên kế hoạch bán tàu được chuyển sang năm 2021.

- Công ty đã tiếp tục tìm kiếm, đàm phán để thuê thêm tàu ngoài về khai thác nhằm tăng năng lực vận chuyển, tăng khả năng quay vòng, kết hợp đảo lịch tàu, giảm thời gian chạy không hàng. Trong năm, Công ty thường xuyên thuê định hạn, thuê voyage relet từ 02 – 04 tàu.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý đặc biệt là quản lý nhiên liệu, phụ tùng, vật tư để tiết giảm chi phí, đã ban hành được nhiều quy chế, nội quy quản lý và các biện pháp cụ thể để giảm tiêu thụ, chống thất thoát nhiên liệu, phụ tùng, vật tư.

Đối với việc thoái vốn tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB), trước khi cổ phiếu MSB được niêm yết, Công ty đã tích cực tìm kiếm nhà đầu tư quan tâm để tiến hành giao dịch. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo đăng thông tin rộng rãi về việc chào bán cổ phần tại Ngân hàng này trên báo và website Công ty nhưng không có nhà đầu tư nào quan tâm và liên hệ với Công ty. Ngày 23/12/2020, sau khi cổ phiếu này được niêm yết trên sàn, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành nghiên cứu, xây dựng phương án để bán được số cổ phiếu với hiệu quả cao nhất có thể trong năm 2021.

- Về quỹ tiền lương: ĐHCĐ thường niên năm 2020 đã phê duyệt quỹ lương của người lao động là 118,193 tỷ đồng và của người quản lý là 2,983 tỷ đồng.

Căn cứ theo kết quả kinh doanh năm 2020, Công ty đã chi lương cho người lao động là 103,849 tỷ đồng và người quản lý là 2,448 tỷ đồng.

Mặc dù Công ty đã hết sức nỗ lực và áp dụng nhiều giải pháp tích cực để cải thiện kết quả kinh doanh nhưng thị trường vận tải biển năm 2020 sụt giảm trầm trọng và bất ổn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng lớn tới hiệu quả. Kết quả trong năm 2020 của Công ty như sau

- Sản lượng vận chuyển đạt 6,67 triệu tấn, bằng 124,25% kế hoạch năm 2020 và bằng 98,52% so với năm 2019 (Công ty thanh lý tàu Vĩnh Hưng vào tháng 5/2020 và tàu Vega Star vào tháng 9/2020)

- Tổng doanh thu đạt 1.362 tỷ đồng, bằng 106,24% kế hoạch năm 2020 và bằng 75,46% so với năm 2019, trong đó doanh thu vận tải là 1.261 tỷ đồng, bằng 120,67% kế hoạch năm 2020 và bằng 83,45% so với năm 2019.

- Lợi nhuận trước thuế là -187 tỷ đồng

Như vậy, năm 2020, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu về sản lượng và doanh thu. Kế hoạch lợi nhuận năm 2020 của Công ty lãi 30,89 tỷ đồng trên cơ sở tái cơ cấu được nợ với VietcomBank và thanh lý tàu Đại Nam, tổng thu của 02 khoản này nếu thực hiện được là khoảng 120 tỷ đồng, cùng với việc hiệu quả sụt giảm từ việc giảm giá cước khoảng 100 tỷ đồng nên kết quả chung năm 2020, Công ty bị lỗ -187 tỷ đồng.

3. Về vấn đề thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, thị trường vận tải biển chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19 nên vô cùng khó khăn. Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đã hoạt động tích cực, theo sát những diễn biến của thị trường để có những chỉ đạo kịp thời đối với mọi hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt là về tái cơ cấu tài chính, tái cơ cấu đội tàu và tái cơ cấu tổ chức. Kết quả đã hoàn thành các chỉ tiêu về sản lượng và doanh thu, còn chỉ tiêu hiệu quả chưa hoàn thành đã được phân tích ở trên. HĐQT thống nhất nhận thù lao năm 2020, tổng cộng là 288 triệu đồng, bằng 99,31% mức được phê duyệt, cụ thể các thành viên là:

- Ông Bùi Việt Hoài – Chủ tịch HĐQT:	60 triệu đồng
- Ông Cao Minh Tuấn – Phó chủ tịch HĐQT:	48 triệu đồng
- Ông Nguyễn Quốc Cường – UV.HĐQT:	36 triệu đồng
- Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc – UV.HĐQT:	36 triệu đồng
- Ông Phạm Đăng Khoa – UV.HĐQT:	36 triệu đồng
- Ông Lý Quang Thái – UV.HĐQT:	36 triệu đồng
- Bà Trịnh Thị Ngọc Biển – UV.HĐQT:	36 triệu đồng

Ngoài ra, không phát sinh chi phí nào liên quan tới hoạt động của HĐQT Công ty.

4. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Theo đánh giá của HĐQT, trong bối cảnh ngành vận tải biển trong nước và thế giới bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19, Ban điều hành và các

cán bộ quản lý khác đã rất cố gắng để thực hiện nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết tâm áp dụng nhiều biện pháp tích cực, chủ động trong hoạt động khai thác đội tàu, quản lý kỹ thuật, nhiên liệu, phụ tùng vật tư, bố trí điều động và thay thuyền viên. Đồng thời, tiếp tục quyết liệt triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu đã được phê duyệt để ổn định sản xuất kinh doanh, giảm bớt thiệt hại do dịch bệnh gây ra.

- Tổng giám đốc, Ban điều hành cùng các phòng tham mưu đã triển khai thực hiện đúng, đủ và kịp thời Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị trong hoạt động kinh doanh. Trong đó, đã rất quyết tâm trong việc tái cơ cấu doanh nghiệp, đặc biệt là về tái cơ cấu tài chính, giúp Công ty từng bước lành mạnh hóa kết quả tài chính.

Tuy nhiên, Hội đồng quản trị nhận thấy công tác quản lý ở một số lĩnh vực vẫn cần được quan tâm nhiều hơn nữa để nâng cao hiệu quả như công tác kiểm soát tốc độ và nhiên liệu các tàu trong quá trình hành hải; vấn đề thời gian tạm dừng không tính doanh thu khi cho tàu thuê (off-hire) còn cao ảnh hưởng tới hiệu quả khai thác; tình trạng kỹ thuật một số tàu kém; bảo quản bảo dưỡng của thuyền viên. Sự phối hợp chỉ đạo giữa các phòng quản lý với sỹ quan thuyền viên dưới tàu cần sát sao hơn nữa để cải thiện hiệu quả, giảm thiểu tai nạn, sự cố và bị bắt lỗi làm phát sinh các chi phí để khắc phục. Hội đồng quản trị đã yêu cầu Ban điều hành tìm các biện pháp quản lý phù hợp để khắc phục các vấn đề trên, cần nâng trình độ quản lý các mặt lên một tầm cao hơn, chuyên nghiệp hơn nữa để phù hợp với đòi hỏi của thị trường, của khách hàng trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt như hiện nay.

Phần 2

Định hướng hoạt động của HDQT năm 2021

Năm 2021 bắt đầu với nhiều khó khăn thách thức khi mà dịch bệnh Covid-19 vẫn chưa được kiểm soát và luôn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát trở lại, gần đây đã bùng phát mạnh tại Ấn Độ. Ngoài ra, diễn biến dai dẳng và khó dự đoán của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung cũng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế thế giới dẫn đến việc thay đổi các tuyến vận tải truyền thống. Tình hình chính trị bất ổn tại một số khu vực trên thế giới đặc biệt là khu vực Trung Đông cũng là yếu tố có thể ảnh hưởng tiêu cực đến giá nhiên liệu cũng như nền kinh tế thế giới từ đó sẽ tác động xấu lên thị trường vận tải.

HDQT Công ty sẽ tích cực theo dõi các diễn biến của thị trường, tập trung chỉ đạo và đồng hành cùng Ban điều hành cũng như bộ máy quản lý trong việc điều hành SXKD một cách sát sao và có hiệu quả nhất để Công ty vượt qua khó khăn, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, với mục tiêu cụ thể sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2020	KH 2021	So sánh (%)
1	Sản lượng vận chuyển	1.000 T	6.675	5.000	74,91
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.362	1.227	90,09
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-187	30	

Ghi chú: So với năm 2020, đội tàu Công ty giảm 03 tàu là Vĩnh Hưng, Vega Star và Đại Nam, tổng trọng tải 75.635 dwt tương đương giảm 17,5% tổng trọng tải nên chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng và tổng doanh thu giảm so với thực hiện năm 2020.

Trong bối cảnh ngành vận tải biển nói riêng và nhiều ngành nghề khác nói chung đã và đang chịu ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh Covid-19, đội tàu của Công ty lại già thêm 01 tuổi, gặp nhiều khó khăn khi phải cạnh tranh với các tàu trẻ, hiện đại và năng lực vận chuyển của đội tàu bị giảm đi thì các chỉ tiêu trên được xây dựng với quyết tâm cao và công ty sẽ nỗ lực hết sức để có thể duy trì hoạt động ổn định của đội tàu, đạt được kết quả kinh doanh tốt nhất và có lãi.

HDQT sẽ thực hiện và chỉ đạo Ban điều hành triển khai một số giải pháp chính sau để thực hiện kế hoạch năm 2021:

- Tiếp tục thực hiện các kỳ họp định kỳ hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để nhanh chóng chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021 và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, các Quy chế, Quy định phù hợp với các quy định mới và để nâng cao hiệu quả quản lý.

- Triển khai ứng dụng các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại vào hoạt động sản xuất kinh doanh; áp dụng các công cụ quản trị tiên tiến, đánh giá công việc thông qua hệ thống chỉ tiêu BSC-KPI.

- Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục tập trung nguồn lực để triển khai thực hiện và quyết tâm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 mà ĐHĐCĐ giao với một số giải pháp chính là:

- + Tập trung hoàn thành tái cơ cấu nợ tại BaovietBank.

- + Tiếp tục định hướng tập trung tìm tàu phù hợp để đầu tư hoặc thuê bareboat, đặc biệt là tàu dầu sản phẩm cỡ MR và tàu hàng rời cỡ Supramax.

- + Tiếp tục cơ cấu bộ máy, cải tiến hệ thống quản trị của doanh nghiệp. Hoàn thiện tinh gọn bộ máy nhân sự theo Đề án tái cơ cấu.

- + Nâng cao hiệu quả khai thác tàu, nhất là công tác kiểm soát tốc độ và nhiên liệu các tàu trong quá trình hành hải; vấn đề thời gian tạm dừng không tính doanh thu khi cho tàu thuê (off-hire); Nâng cấp tình trạng kỹ thuật một số tàu thời gian qua công tác bảo quản bảo dưỡng còn hạn chế. Sự phối hợp chỉ đạo giữa các phòng quản lý với sỹ quan thuyền viên dưới tàu cần sát sao hơn nữa để cải thiện hiệu quả, giảm thiểu tai nạn, sự cố và bị bắt lỗi làm phát sinh các chi phí để khắc phục.

+ Thực hiện triệt để tiết giảm chi phí trong quản trị, điều hành và sản xuất kinh doanh.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021.

Thay mặt Hội đồng quản trị tôi xin chân thành cảm ơn sự đồng hành, chia sẻ của các quý vị cổ đông và mong muốn được các cổ đông tiếp tục đóng góp nhiều ý kiến xây dựng nhằm đưa Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam nhanh chóng vượt qua khó khăn, hướng tới một tương lai phát triển ổn định và bền vững.

Kính chúc các cổ đông sức khỏe và hạnh phúc.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- BKS Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Việt Hoài

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi Điều lệ và một số Quy chế của Công ty theo Thông tư 116/TT-BTC

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vận tải biển Việt Nam

Căn cứ Luật doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Luật chứng khoán 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ nội dung Điều lệ mẫu, các mẫu Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua việc ban hành Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị cho phù hợp với quy định mới với một số nội dung chính như sau:

1. Tóm tắt các nội dung sửa đổi Điều lệ

Điều lệ hiện tại của Công ty gồm 21 Chương, 54 Điều. Sau khi sửa đổi, bổ sung, dự thảo Điều lệ mới gồm 05 Chương, 78 Điều.

Một số nội dung sửa đổi chính được gửi kèm theo Tờ trình này

2. Tóm tắt các nội dung sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện tại có 03 Chương, 13 Điều. Sau khi sửa đổi, bổ sung, dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty có 08 Chương, 75 Điều. Số chương và số điều tăng lên đáng kể chủ yếu đến từ việc quy định rõ hơn việc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến.

Ngoài ra, còn sửa đổi bổ sung một số nội dung khác để phù hợp với dự thảo Điều lệ mới của Công ty.

Chi tiết xem tại dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty kèm theo Tờ trình này

3. Tóm tắt các nội dung sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty hiện tại có 06 Chương, 15 Điều. Sau khi sửa đổi, bổ sung, dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty có 07 Chương, 26 Điều. Dự thảo mới phân biệt rõ hơn quyền hạn, nhiệm vụ và một số nội dung liên quan giữa thành viên Hội đồng quản trị và tập thể Hội đồng quản trị. Quy định rõ hơn việc báo cáo công khai các lợi ích của Hội đồng quản trị. Ngoài ra, còn sửa đổi bổ sung một số nội dung khác để phù hợp với dự thảo Điều lệ mới của Công ty.

Chi tiết xem tại dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty kèm theo Tờ trình này

4. Đề xuất

HĐQT Công ty trình xin ý kiến ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Đồng thời, ủy quyền cho HĐQT thực hiện rà soát, sửa đổi, ban hành Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo các nội dung đề xuất ở trên và theo quy định hiện hành.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- BKS Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.



Bùi Việt Hoài

TỜ TRÌNH

**Về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty
theo Thông tư 116/TT-BTC**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vận tải biển Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ nội dung mẫu Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.

Ban Kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát cho phù hợp với quy định mới với một số nội dung chính như sau:

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty hiện tại có 07 Chương, 24 Điều. Sau khi sửa đổi, bổ sung, dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty có 07 Chương, 25 Điều. Dự thảo mới phân biệt rõ hơn quyền hạn, nhiệm vụ và một số nội dung liên quan giữa thành viên Ban Kiểm soát và tập thể Ban Kiểm soát. Quy định rõ hơn việc báo cáo công khai các lợi ích của Ban Kiểm soát.

Ngoài ra, còn sửa đổi bổ sung một số nội dung khác để phù hợp với dự thảo Điều lệ mới của Công ty.

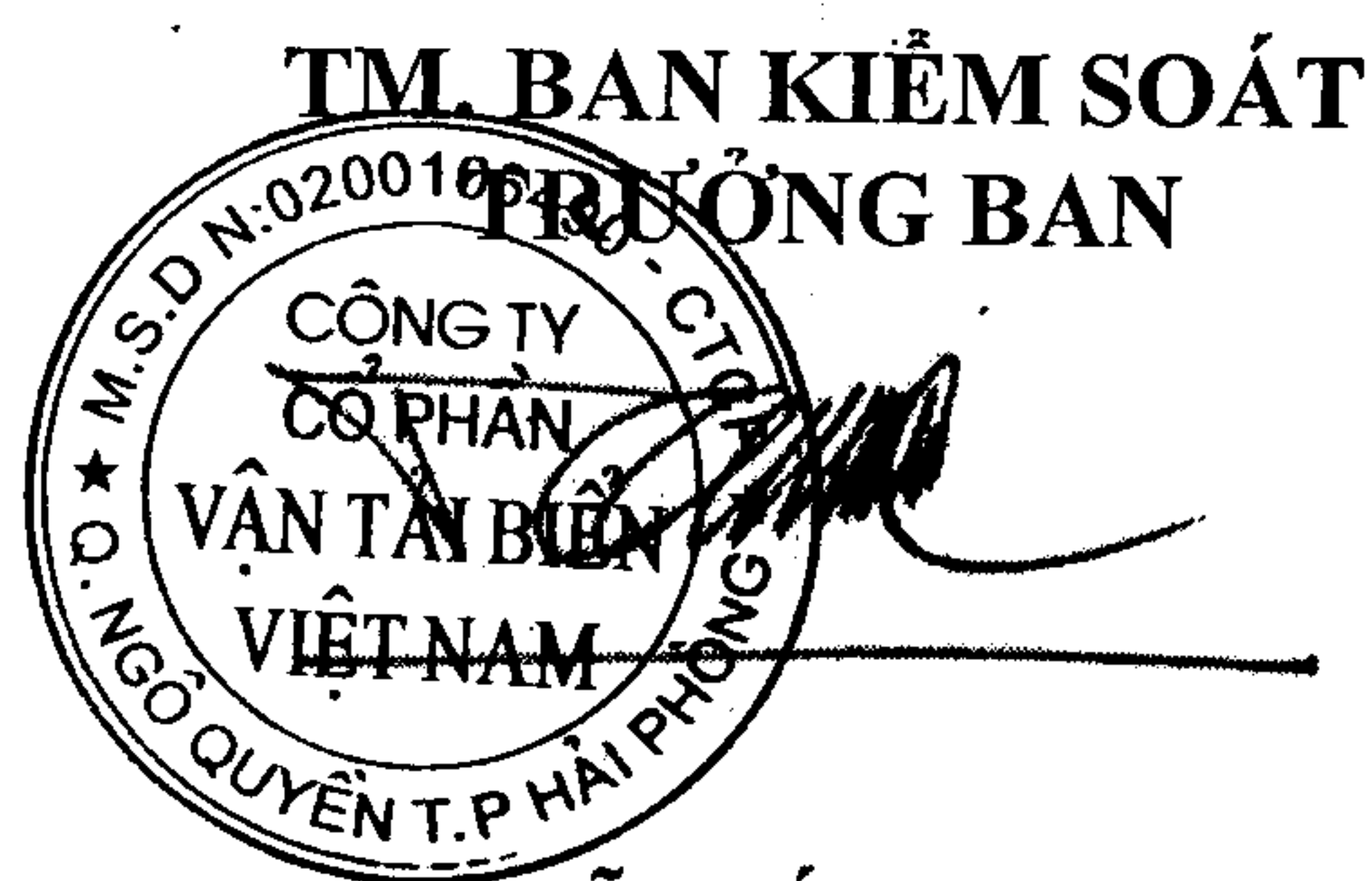
Chi tiết xem tại dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty kèm theo Tờ trình này

Ban Kiểm soát Công ty trình xin ý kiến ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Đồng thời, ủy quyền cho Ban Kiểm soát thực hiện rà soát, sửa đổi, ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo quy định hiện hành.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- Lưu: VT, BKS.



MỤC LỤC

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	1
MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1
MỤC 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thời hạn hoạt động của Công ty	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	3
Điều 4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty	4
MỤC 3: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty	4
Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	7
CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU	7
Điều 7. Vốn điều lệ	7
Điều 8. Cổ phần	7
Điều 9. Chứng nhận cổ phiếu	7
Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 11. Chào bán cổ phần	8
Điều 12. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	8
Điều 13. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	9
Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần và thừa kế cổ phần	9
Điều 15. Trả cổ tức	10
CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	11
MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC	11

Điều 16. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	11
MỤC 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11
Điều 17. Quyền của cổ đông	11
Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông	13
Điều 19. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.....	14
Điều 20. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức .	15
Điều 21. Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 23. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 24. Thay đổi các quyền.....	18
Điều 25. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 26. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 27. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 28. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	22
Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 30. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26
MỤC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	26
Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 34. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 35. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 36. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 37. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	31

Điều 38. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	32
Điều 39. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	33
Điều 40. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	35
Điều 41. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	36
Điều 42. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	36
Điều 43. Người phụ trách quản trị công ty	36
MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	37
Điều 44. Tổ chức bộ máy quản lý.....	37
Điều 45. Người điều hành Công ty.....	37
Điều 46. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	37
Điều 47. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc	38
MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT.....	39
Điều 48. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	39
Điều 49. Thành phần Ban kiểm soát.....	40
Điều 50. Trưởng Ban kiểm soát	41
Điều 51. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	41
Điều 52. Cuộc họp của Ban kiểm soát	43
Điều 53. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	43
MỤC 6: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	44
Điều 54. Trách nhiệm của người quản lý Công ty.....	44
Điều 55. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	45
Điều 56. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này	45
Điều 57. Công khai lợi ích có liên quan	47
Điều 58. Công khai thông tin.....	48

Điều 59. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.	48
Điều 60. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	49
MỤC 7: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	49
Điều 61. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	49
MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CƠ SỞ TRONG CÔNG TY	50
Điều 62. Công nhân viên và tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty	50
CHƯƠNG IV: QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC	51
Điều 63. Quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác	51
Điều 64. Quan hệ giữa Công ty với công ty TNHH một thành viên	51
Điều 65. Quan hệ giữa Công ty với công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên	51
CHƯƠNG V: TÀI CHÍNH CÔNG TY	51
MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	51
Điều 66. Phân phối lợi nhuận	51
MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	52
Điều 67. Tài khoản ngân hàng	52
Điều 68. Năm tài chính	52
Điều 69. Chế độ kế toán	52
MỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	53
Điều 70. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	53
Điều 71. Báo cáo thường niên	53
MỤC 4: KIỂM TOÁN CÔNG TY	53

Điều 72. Kiểm toán	53
MỤC 5: DẤU CỦA CÔNG TY	53
Điều 73. Dấu của Công ty	53
MỤC 6: GIẢI THỂ CÔNG TY	54
Điều 74. Giải thể Công ty	54
Điều 75. Thanh lý.....	54
MỤC 7: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	54
Điều 76. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	54
MỤC 8: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	55
Điều 77. Điều lệ Công ty.....	55
MỤC 9: NGÀY HIỆU LỰC	55
Điều 78. Ngày hiệu lực	55

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam (sau đây gọi là “Điều lệ”) được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam ngày tháng năm 2021.

Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam (sau đây được gọi tắt là “Công ty”) được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này, các quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) **“Luật Doanh nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

b) **“Luật Chứng khoán”** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

c) **“Ngày thành lập”** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mô hình công ty cổ phần lần đầu ngày 01/01/2008;

d) **“Vốn điều lệ”** là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

e) **“Vốn có quyền biểu quyết”** là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f) **“Người quản lý Công ty”** là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

g) **“Người điều hành Công ty”** là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

h) **“Người có liên quan”** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

i) **“Cổ đông”** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

j) **“Cổ đông lớn”** là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

k) **“Cổ phần đã bán”** là cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đủ cho Công ty;

l) **“Cổ phần được quyền chào bán”** là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn;

m) **“Cổ phần chưa bán”** là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán cho Công ty;

n) **“Sở giao dịch chứng khoán”** là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;

o) **“Thời hạn hoạt động”** là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều lệ này;

- p) “**Đại hội đồng cổ đông**” là Đại hội đồng cổ đông của Công ty;
- q) “**Hội đồng quản trị**” là Hội đồng quản trị của Công ty;
- r) “**Ban kiểm soát**” là Ban kiểm soát của Công ty;
- s) “**Tổng giám đốc**” là Tổng giám đốc của Công ty;
- t) “**Kế toán trưởng**” là Kế toán trưởng của Công ty;
- u) “**Việt Nam**” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- v) “**Pháp luật**” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ khác đã được định nghĩa trong Bộ luật dân sự và Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

MỤC 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thời hạn hoạt động của Công ty

- 1. Tên Công ty
 - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM
 - Tên tiếng Anh: VIETNAM OCEAN SHIPPING JOINT STOCK COMPANY
 - Tên Công ty viết tắt: VOSCO
 - Loại hình công ty: Công ty cổ phần
 - Logo



2. Công ty có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật hiện hành kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ: số 215, phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
 - Điện thoại: (84 - 225) 3731090

- Fax: (84 - 225) 3731007
- E-mail: pid@vosco.vn
- Website: www.vosco.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Tại thời điểm Điều lệ này được thông qua, Công ty có 04 chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Trung tâm huấn luyện thuyền viên
- Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam – Trung tâm Cung ứng thuyền viên
- Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Tp.Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Cần Thơ

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 74 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Công ty có hai người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật như sau:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đại diện cho Công ty trong nhóm giao dịch với nhà đầu tư, đơn vị được đầu tư, Ủy ban Chứng khoán cùng các cơ quan khác liên quan đến quản lý vốn, quản trị công ty niêm yết/công ty đại chúng và các giao dịch khác mà Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết và phù hợp, theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

2. Tổng giám đốc Công ty đại diện cho Công ty trong nhóm giao dịch với khách hàng, với nhà cung cấp, ngân hàng cho vay, ngân hàng mở tài khoản của Công ty và với người lao động, với cơ quan thuế cùng các cơ quan quản lý nhà nước khác liên quan đến hoạt động của Công ty và các giao dịch khác phù hợp theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Tùy theo nhóm giao dịch mà mình đại diện, mỗi đại diện theo pháp luật là đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Tòa án, Trọng tài.

3. Công ty bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Trường hợp một người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền cho người đại diện theo pháp luật còn lại thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại Khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Trường hợp cả 2 người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi người đại diện theo pháp luật trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhận chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định hoặc không còn làm việc cho Công ty thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không làm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.

MỤC 3: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa cảng biển; Bốc xếp hàng hóa cảng sông	5224
2	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
3	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOSCO)

	Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	
5	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830
6	Điều hành tua du lịch	7912
7	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo và huấn luyện thuyền viên	8559
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa đa phương thức, bao gồm: sắt, sông, biển, bộ và hàng không; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Môi giới hàng hải; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển	5229
9	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012 (Chính)
10	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
11	Vận tải hàng hóa đường bộ	4933
12	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
13	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
14	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy phục vụ cho ngành hàng hải	4659
15	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
16	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ quầy bar)	5610
17	Đại lý du lịch	7911
18	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu, giao nhận hàng hóa	8299
19	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa container; Sửa chữa thiết bị container; Sửa chữa trang thiết bị vận tải	3319
20	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
21	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
22	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
23	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
24	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý sơn tàu biển, dầu nhớt; Đại lý phụ tùng, thiết bị chuyên ngành hàng hải; Đại lý bán vé máy bay; Môi giới mua bán	4610

	tàu biển	
25	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
26	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết: Sửa chữa tàu biển	3315
27	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
28	Xuất bản phần mềm	5820
29	Lập trình máy vi tính	6201
30	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
31	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
32	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ sơn tàu biển, dầu nhớt, phụ tùng, thiết bị hàng hải	4789
33	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
34	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
35	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác gồm: than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha	4661
36	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác	4662
37	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn xi măng đen, xi măng trắng, clanhke	4663

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

a) Thành lập Công ty để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh các dịch vụ hàng hải và các lĩnh vực khác;

b) Tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động;

c) Xây dựng và phát triển thương hiệu của Công ty luôn là một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực dịch vụ vận tải biển với chiến lược phát triển ổn định và bền vững trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;

d) Tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và cổ đông trên cơ sở xây dựng hệ thống quản lý, điều hành gọn nhẹ, hiệu lực, hiệu quả, ứng dụng công nghệ thông tin và công cụ quản lý tiên tiến, quản trị tốt nhất các nguồn lực và hoạt động sản xuất kinh doanh;

e) Đa dạng hóa các hình thức đầu tư, phát triển dịch vụ mới gắn kết với ngành nghề kinh doanh cốt lõi của Công ty;

f) Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực hàng hải có chuyên môn, chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh với chính sách đãi ngộ tương xứng;

g) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước, trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Điều 7. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty là 1.400.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một nghìn bốn trăm tỷ đồng).

2. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).

3. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích theo quy định của pháp luật.

4. Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây

a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của họ trong Công ty và đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;

b) Công ty mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Điều lệ này.

Việc giảm vốn điều lệ của Công ty phải bảo đảm vốn điều lệ sau khi giảm không được thấp hơn vốn pháp định theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 8. Cổ phần

1. Mỗi cổ phần của Công ty có mệnh giá là 10.000 VND (Bằng chữ: mười nghìn đồng).

2. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua được chia thành 140.000.000 cổ phần (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi triệu cổ phần).

3. Cổ phần Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể phát hành cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi.

5. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

6. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu cổ phần đó có các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

Điều 9. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu chưa niêm yết, giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán có tổng mệnh giá trên 10.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười triệu đồng) Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Công ty có thể yêu cầu cổ đông phải thực hiện đăng thông báo công khai về việc cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác và sau 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày đăng thông báo Công ty mới tiếp nhận đề nghị cấp lại cổ phiếu mới để xem xét, cấp lại cổ phiếu mới cho cổ đông.

Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 11. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức sau đây:

a) Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;

b) Chào bán cổ phần riêng lẻ;

c) Chào bán cổ phần ra công chúng.

3. Chào bán cổ phần của Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 12. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do

Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá trị mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty;

b) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nói trên.

4. Ngoài các quy định nêu trên, việc Công ty mua lại cổ phần còn phải thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán.

5. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại được thực hiện theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp.

Điều 13. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại được thực hiện theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp và Điều 36 Luật Chứng khoán.

Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần và thừa kế cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ cổ phần hạn chế chuyển nhượng được nêu rõ trong cổ phiếu của từng cổ phần tương ứng và pháp luật có quy định khác.

2. Việc chuyển nhượng cổ phiếu được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo

pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của công ty. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

4. Các trường hợp liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần không được quy định tại Điều này thì áp dụng quy định tại Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật liên quan khác.

5. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật;

c) Ngay sau khi trả hết cổ tức, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng lý cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 16. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

MỤC 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 17. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần cho người khác, trừ trường hợp quy định Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật liên quan;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 13 Điều lệ này;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều này và điểm c khoản 4 Điều 21 Điều lệ này;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số

ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Việc đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tương ứng tại Điều 32 và Điều 48 Điều lệ này.

Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty, của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 19. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của tổ chức là cổ đông của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

- a) Sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền 01 người đại diện theo ủy quyền;
- b) Sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 02 người đại diện theo ủy quyền;
- c) Sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền;
- d) Sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 04 người đại diện theo ủy quyền;
- e) Sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện theo ủy quyền;
- f) Sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 06 người đại diện theo ủy quyền;
- g) Sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 07 người đại diện theo ủy quyền;
- h) Sở hữu từ 80% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 08 người đại diện theo ủy quyền.

3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

4. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
- b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;
- d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;
- e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Không có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp.

Điều 20. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

2. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; thực hiện quyền, nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông cử đại diện.

3. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông cử đại diện do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này. Cổ đông cử đại diện chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Điều 21. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5. Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi

xét thấy cần thiết;

m) Quyết định việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần từng loại;

g) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 4 Điều 56 Điều lệ này với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 56 Điều lệ này;

s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo theo pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 24. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 26, 27 và Điều 28 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 25. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đề bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 26. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 27. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán

thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b) Cổ đông người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho Phó chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ làm Chủ tọa. Trường hợp cả Phó chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc, các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc

vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

f) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1,3, 4 và 5 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

6. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp. .

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ

sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh (nếu có) đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2, Điều 17 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 6, Điều 28 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

MỤC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);

f) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu: từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 05 ứng viên; từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 06 ứng viên; từ 70% đến 80% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề

cử tối đa 07 ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 08 ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và quy định tại Điều 34 Điều lệ này.

Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 người, trong đó có 01 Chủ tịch và 01 Phó Chủ tịch.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành và tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 02 thành viên độc lập.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 35 Điều lệ này.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 34. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Không phải là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất 03 năm liền kề trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 35. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 34 của Điều lệ này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

c) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm số lượng theo quy định tại khoản 4 Điều 33 Điều lệ này;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 36. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này;

f) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật;

h) Quyết định bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Điều lệ này; khoản 4 Điều 56 Điều lệ này.

j) Phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định:

- Đối với dự án đầu tư, mua sắm, nâng cấp tài sản cố định thuộc danh mục đầu tư hàng năm được Hội đồng quản trị phê duyệt có giá trị nhỏ hơn 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và các dự án không nằm trong kế hoạch đầu tư hàng năm có giá trị dưới 15 tỷ đồng; (trừ đầu tư tàu biển)

- Thanh lý, nhượng bán, thuê, cho thuê tài sản cố định có giá trị nhỏ hơn 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (trừ thanh lý, thuê, cho thuê tàu biển)

k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác theo đề nghị của Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó;

l) Cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; đề cử người tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc giới thiệu để bổ nhiệm kiểm soát viên tại doanh nghiệp khác;

m) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và tiền lương của họ theo đề nghị của Tổng giám đốc;

n) Chấp thuận đề Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc các chi nhánh, Trưởng phòng và tương đương;

o) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

p) Quyết định thay đổi và hình thức, nội dung logo của Công ty;

q) Quyết định cơ cấu tổ chức Công ty, Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp khác;

r) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

s) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

t) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

u) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

v) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty, Quy chế quản lý nội bộ cấp độ toàn Công ty. Phân cấp cho Tổng giám đốc ban hành, sửa đổi, bổ sung các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ cho các đơn vị trực thuộc hoặc trong từng lĩnh vực cụ thể để phục vụ cho công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

w) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện;

x) Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật;

y) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Điều lệ này;

b) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị;

e) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);

f) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;

g) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;

h) Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 37. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao cho công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới

tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.

Điều 38. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể xem xét, quyết định bầu/bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên của Hội đồng quản trị để giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình và các nhiệm vụ khác theo phân công của Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị;

g) Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;

h) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

i) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công;

j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị

chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu Phó chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 39. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp

phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể được tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến trong trường hợp vì lý do khách quan, tất cả hoặc một số thành viên Hội đồng quản trị không thể về dự họp trực tiếp như quy định nêu trên, với điều kiện thành viên tham gia họp trực tuyến đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 40. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- d) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- f) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- g) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- h) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 41. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu người điều hành doanh nghiệp cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người điều hành doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 42. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Điều 43. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 44. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 45. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 46. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều 47 Điều lệ này.

4. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Giám đốc các chi nhánh, Trưởng phòng và tương đương sau khi đã được Hội đồng quản trị chấp thuận.

g) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty và người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

h) Tuyển dụng lao động;

i) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

j) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty có vốn góp của Công ty; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động hàng năm;

l) Ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng, giao dịch khác liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch phải được sự thông qua của Hội đồng quản trị.

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp khi được yêu cầu.

6. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty.

7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Trong thời gian thực hiện thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị quyết định việc giao nhiệm vụ cho một người quản lý doanh nghiệp hoặc một người điều hành doanh nghiệp khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc và đại diện theo pháp luật của Công ty

8. Việc ủy quyền, ủy nhiệm của Tổng giám đốc

a) Tổng giám đốc có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho các Phó Tổng giám đốc hoặc người khác thực hiện một hoặc một số quyền và nghĩa vụ của mình, giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền, ủy nhiệm của mình.

b) Người được Tổng giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm.

c) Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan tới dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

Điều 47. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

2. Đương nhiên mất tư cách, thay thế Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:

a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;

b) Vi phạm quy định của pháp luật về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;

c) Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;

d) Công ty bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

3) Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 ngày;

c) Theo quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Các trường khác theo quy định pháp luật hiện hành.

MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT

Điều 48. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty khác);

e) Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, các chức

đanh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; sở hữu từ 50% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên; sở hữu từ 70% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

e) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty;

f) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

g) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

4) Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Các trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật.

5. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 50. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 51. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm

soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 54 Điều lệ này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

14. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

18. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

19. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

20. Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát phải đảm bảo các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này.

b) Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.

c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty.

f) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

21. Có quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

22. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 52. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 53. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

MỤC 6: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiêu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 54. Trách nhiệm của người quản lý Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 57 của Điều lệ này;

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo Điều lệ này và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba.

Điều 55. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 57 Điều lệ này và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của những thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 56. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

3. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này và trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc mà Công ty và tổ chức đó là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này;

b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Điều lệ này;

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

d) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với một trong các đối tượng quy định tại điểm c khoản 4 Điều này và có giá trị trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm c khoản 4 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và phải gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

6. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 4 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao

dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 8 Điều 29 của Điều lệ này.

7. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

8. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 57. Công khai lợi ích có liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một

cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại của Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 58. Công khai thông tin

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây:

- a) Điều lệ công ty;
- b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc công ty;
- c) Báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 59. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:

- a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 54 của Điều lệ Công ty;
- b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty được tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Điều 60. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng nhằm vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư) chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

MỤC 7: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 61. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CƠ SỞ TRONG CÔNG TY

Điều 62. Công nhân viên và tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

3. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của tổ chức.

4. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

CHƯƠNG IV: QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 63. Quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác

1. Công ty quyết định thành lập và đầu tư, góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp khác; quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác phù hợp với chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và theo quy định của pháp luật.

2. Quyền, nghĩa vụ của Công ty đối với doanh nghiệp và vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, điều lệ doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. Công ty cử người đại diện theo ủy quyền trực tiếp thay mặt Công ty quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền được quy định tại điều lệ doanh nghiệp hoặc quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 64. Quan hệ giữa Công ty với công ty TNHH một thành viên

Hội đồng quản trị thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty TNHH một thành viên do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ công ty do Hội đồng quản trị phê duyệt.

Điều 65. Quan hệ giữa Công ty với công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên

1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và điều lệ của doanh nghiệp đó.

2. Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp đó.

3. Công ty quản lý vốn đầu tư thông qua người đại diện theo ủy quyền tại doanh nghiệp đó.

4. Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp thông qua người đại diện theo ủy quyền để thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh.

5. Hội đồng quản trị yêu cầu người đại diện theo ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG V: TÀI CHÍNH CÔNG TY

MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 66. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hằng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 67. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 68. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 69. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

MỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 70. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 71. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

MỤC 4: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 72. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

MỤC 5: DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 73. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cá nhân sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

MỤC 6: GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 74. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 75. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

MỤC 7: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 76. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội

đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền để giải quyết.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

MỤC 8: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 77. Điều lệ Công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

MỤC 9: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 78. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 05 chương 78 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam nhất trí thông qua ngày tháng năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. Điều lệ này thay thế cho Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam thông qua ngàytháng ...năm 20...

2. Điều lệ được lập thành..... bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**PCT.HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

MỤC LỤC

Chương I	1
QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ	2
Chương II	3
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	3
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát	3
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát	3
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát	4
Điều 7. Trưởng Ban Kiểm soát	5
Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát	5
Điều 9. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát	5
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	5
Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	6
Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	7
Chương III	7
BAN KIỂM SOÁT	7
Điều 13. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát	7
Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	9
Điều 15. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	10
Chương IV	10
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	10
Điều 16. Cuộc họp của Ban Kiểm soát	10
Điều 17. Biên bản họp Ban Kiểm soát	11

Điều 18. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp	11
Chương V	11
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	11
Điều 19. Trình báo cáo hàng năm	11
Điều 20. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát.	12
Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan	12
Chương VI.....	13
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	13
Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát	13
Điều 23. Mối quan hệ với Ban Điều hành.....	13
Điều 24. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	14
Chương VII	15
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	15
Điều 25. Hiệu lực thi hành	15

DỰ THẢO

Hải Phòng, ngày tháng 5 năm 2021

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm 2021

Ban Kiểm soát ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam bao gồm các nội dung sau :

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát Công ty làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về lĩnh vực do mình phụ trách

và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

2. Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát không được ủy quyền cho những người không phải là thành viên Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

3. Ban Kiểm soát hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

4. Tất cả các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát gửi cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cơ quan khác theo yêu cầu phải được thảo luận tập thể trong Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau

“Công ty “ là Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam.

“ Điều lệ hay Điều lệ công ty” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam.

“ Đại hội đồng cổ đông” hoặc “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam.

“Hội đồng quản trị” hoặc “HĐQT” là Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam.

“Người quản lý doanh nghiệp” hoặc “Người quản lý” là Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc.

“Người điều hành doanh nghiệp” hoặc “Người điều hành” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

“Thành viên HĐQT không điều hành” là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ Công ty cũng có nghĩa tương tự như trong Quy chế này.

3. Trường hợp Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan có sự thay đổi dẫn đến quy định tại Quy chế này khác với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật thì áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; quản lý và bảo mật thông tin theo quy định của Công ty; không lợi dụng quyền hạn được giao để gây cản trở cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích mà thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp và gián tiếp có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, bãi và miễn nhiệm bằng thể thức bỏ phiếu kín trực tiếp. Các thành viên Ban Kiểm soát bầu một trong số các thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát để quản lý, điều hành hoạt động chung của Ban Kiểm soát.

2. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát 5 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trong nhiệm kỳ có khuyết thành viên Ban Kiểm soát thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu thay thế theo thể thức bỏ phiếu kín trực tiếp. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ.

3. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

5. Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát bị giảm quá 1/3 (một phần 3) theo quy định tại Điều lệ Công ty thì Ban Kiểm soát trao đổi với Hội đồng quản trị đề xuất triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp.

2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác, cụ thể: không phải là vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, con rể, con dâu, anh, chị, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

4. Thành viên Ban Kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

5. Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

6. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.

7. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

8. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát

Ngoài các quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Trưởng Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến các vấn đề.

2. Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp của Ban Kiểm soát.

3. Thay mặt Ban Kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát; thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội cổ đông bất thường khi Hội đồng quản trị có hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

4. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.

5. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Ban Kiểm soát theo quy chế của Ban Kiểm soát.

6. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn chung của Ban Kiểm soát.

7. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

Điều 9. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 48 Điều lệ Công ty

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo hình thức bỏ phiếu kín trực tiếp.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo

phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 49 Điều lệ Công ty;

b) Có đơn từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) và được chấp nhận.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm và bầu thành viên mới thay thế.

d) Trường hợp khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

e) Trường hợp khuyết chức danh Trưởng Ban Kiểm soát thì thành viên Ban Kiểm soát còn lại cử một người thay thế cho đến khi bầu thêm đủ số thành viên Ban Kiểm soát như quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Đơn từ chức của Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát phải được gửi tới Ban Kiểm soát. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đơn từ chức, Ban Kiểm soát phải họp để xem xét, quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm.

Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý (thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý khác) và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc

họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát họp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về họp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ Công ty.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 của Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 54 Điều lệ Công ty phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường họp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại

hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao

gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của Người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 15. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ Công ty;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 16. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp của Ban Kiểm soát tuân thủ theo điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật. Ban Kiểm soát họp định kỳ theo quý hoặc có thể

triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết các công việc đột xuất. Số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai/ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 17. Biên bản họp Ban Kiểm soát

1. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Biên bản họp được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp.

2. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 18. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Ban Kiểm soát có quyền thuê các nhân viên tư vấn bên ngoài, kế toán viên độc lập hoặc các nhà tư vấn khác khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình bằng chi phí của Công ty phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật mà không phải xin ý kiến trước của bất kỳ người quản lý nào của Công ty.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 19. Trình báo cáo hàng năm

Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 53 Điều lệ Công ty.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát

5. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

6. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị ĐHCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;

Điều 20. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát.

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu

hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban Kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát

1. Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự đoàn kết, phối hợp, tôn trọng và động viên nhau hoàn thành nhiệm vụ trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban Kiểm soát.

3. Thành viên Ban Kiểm soát phải có trách nhiệm báo cáo với Trưởng Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động, chịu sự phân công của Trưởng Ban Kiểm soát trong hoạt động.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Điều hành

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn

vi thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành, cụ thể:

1. Định kỳ hoặc đột xuất (theo yêu cầu của Ban Kiểm soát) cung cấp tất cả các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban Kiểm soát, đồng thời phải chịu trách nhiệm theo dõi chỉ đạo phòng/ban chuyên môn/ chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban Kiểm soát sau mỗi lần kiểm tra.

2. Ban Kiểm soát được quyền đề nghị các phòng/ban chuyên môn và nhân viên trực tiếp làm chuyên môn/nghiệp vụ giải trình các công việc đã làm, xuất trình văn bản chỉ đạo, chứng từ sổ sách ghi chép và các tài liệu có liên quan khác (khi cần thiết) trong hoạt động để phục vụ việc kiểm tra, giám sát.

3. Ban Điều hành đảm bảo rằng các báo cáo gửi Hội đồng quản trị, báo cáo đánh giá về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, về tiến độ thực hiện kế hoạch được giao, các kiến nghị, đề xuất để hoàn thành kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đồng thời cũng được gửi cùng thời điểm đến các thành viên Ban Kiểm soát

4. Khi thực thi nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát phải thông báo trước kế hoạch làm việc bằng văn bản để không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 24. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát có mối quan hệ bình đẳng và độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, cụ thể:

1. Các thành viên Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết đối với các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

2. Ban Kiểm soát tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông và trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

3. Trong quá trình hoạt động Ban Kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị để thực hiện nhiệm vụ. Các thành viên Ban Kiểm soát được Hội đồng quản trị cung cấp tài liệu, thông tin và hồ sơ cần thiết phục vụ công tác của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát hoạt động với tư cách khách quan, độc lập trong quá trình kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, đồng thời Ban Kiểm soát có trách nhiệm phối hợp cùng Hội đồng quản trị theo dõi chỉ đạo quá trình chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban Kiểm soát sau mỗi lần kiểm tra, giám sát.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Quy chế này bao gồm 7 chương, 25 điều, được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày tháng 5 năm 2021

Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 5 năm 2021 sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Đỗ Tuấn Nam

MỤC LỤC

Chương I.....	1
QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	1
Chương II	2
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	2
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	2
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	2
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 7. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 9. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 10. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	6
Chương III.....	7
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	7
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	10
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	10
Điều 14. Phân công nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	11
Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	11
Điều 16. Người phụ trách quản trị công ty	11
Chương IV	12
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	12

Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị	12
Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị	14
Chương V	14
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	14
Điều 19. Trình báo cáo hằng năm	14
Điều 20. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan	15
Chương VI	16
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 23. Mối quan hệ với Tổng giám đốc, Ban Điều hành và bộ máy giúp việc	16
Điều 24. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	17
Điều 25. Nguyên tắc phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Chủ tịch HĐQT với Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý	17
Chương VII	17
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	17
Điều 26. Hiệu lực thi hành	17

DỰ THẢO

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam sửa đổi lầnngàytháng ... năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành, Bộ máy tham mưu, giúp việc của Công ty, các chi nhánh, Công ty thành viên của Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội

đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với hoạt động sản xuất kinh doanh và sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị giao có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng, Phó các Phòng và cán bộ quản lý tại Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình kinh doanh, đầu tư, tài chính và mọi hoạt động của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Thành viên Hội đồng quản trị và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng đắn của các thông tin, tài liệu đó. Việc yêu cầu và cung cấp thông tin phải được thực hiện theo trình tự, thủ tục được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị nội bộ của Công ty.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là bảy (07) người trong đó có một (01) Chủ tịch và một (01) Phó Chủ tịch.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành và tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên;

Nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 35, Điều lệ Công ty.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Công ty;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

c) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội

đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm số lượng theo quy định tại khoản 4 Điều 33 Điều lệ Công ty;

c) Trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 9. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai

mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 10. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể xem xét, quyết định bầu/bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên của Hội đồng quản trị để giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình và các nhiệm vụ khác theo phân công của Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị;
 - g) Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;

h) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể

hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

i) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công;

j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu Phó chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 12 của Điều lệ Công ty;

f) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật;

h) Quyết định bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Điều lệ Công ty; khoản 4 Điều 56 Điều lệ Công ty.

j) Phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định:

- Đối với dự án đầu tư, mua sắm, nâng cấp tài sản cố định thuộc danh mục đầu tư hàng năm được Hội đồng quản trị phê duyệt có giá trị nhỏ hơn 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và các dự án không nằm trong kế hoạch đầu tư hàng năm có giá trị dưới 15 tỷ đồng (trừ đầu tư tàu biển);

- Thanh lý, nhượng bán, thuê, cho thuê tài sản cố định có giá trị nhỏ hơn 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (trừ thanh lý, thuê, cho thuê tàu biển);

k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác theo đề nghị của Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó;

l) Cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; đề cử người tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc giới thiệu để bổ nhiệm kiểm soát viên tại doanh nghiệp khác;

m) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và tiền lương của họ theo đề nghị của Tổng giám đốc;

n) Chấp thuận để Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc các chi nhánh, Trưởng phòng và tương đương;

o) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

p) Quyết định thay đổi và hình thức, nội dung logo của Công ty;

q) Quyết định cơ cấu tổ chức Công ty, Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại

doanh nghiệp khác;

r) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

s) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

t) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

u) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

v) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty, Quy chế quản lý nội bộ cấp độ toàn Công ty. Phân cấp cho Tổng giám đốc ban hành, sửa đổi, bổ sung các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ cho các đơn vị trực thuộc hoặc trong từng lĩnh vực cụ thể để phục vụ cho công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

w) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện;

x) Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật;

y) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Điều lệ Công ty;

b) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị;

e) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);

f) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;

g) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;

h) Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Phân công nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng quản trị đã được ghi trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam, Luật Doanh nghiệp 2020, Nghị quyết ĐHĐCĐ hàng năm và các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan.

Căn cứ vào khả năng chuyên môn và vị trí công tác của từng ủy viên, Hội đồng quản trị phân công một số nhiệm vụ mang tính chuyên sâu cho các ủy viên Hội đồng quản trị theo dõi để tham mưu, đề xuất giúp Hội đồng quản trị xây dựng các chiến lược phát triển và quản trị Công ty đạt hiệu quả cao hơn *(Căn cứ vào nhân sự thực tế của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ có bản phân công nhiệm vụ cho các thành viên)*

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 16. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và

phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể được tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến trong trường hợp vì lý do khách quan, tất cả hoặc một số thành viên Hội đồng quản trị không thể về dự họp trực tiếp như quy định nêu trên, với điều kiện thành viên tham gia họp trực tuyến đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối

cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- d) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- f) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- g) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- h) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 19. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 20. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, việc công khai lợi ích và

người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 23. Mối quan hệ với Tổng giám đốc, Ban Điều hành và bộ máy giúp việc

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc là mối quan hệ giữa cơ quan quản lý và người đứng đầu điều hành Công ty. Khi tổ chức thực hiện các

Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện thấy vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng giám đốc báo cáo với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và nêu kiến nghị tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

2. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy tham mưu của Công ty, con dấu, tài khoản, thương hiệu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

3. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và các Quy chế của Công ty.

4. Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày kết thúc quý, năm, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và phương hướng thực hiện trong thời kỳ tới của Công ty cho Hội đồng quản trị.

Điều 24. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 25. Nguyên tắc phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Chủ tịch HĐQT với Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

1. Chủ tịch và các ủy viên Hội đồng quản trị có quyền tham dự các cuộc họp giao ban sản xuất hàng tuần, cuộc họp sơ, tổng kết sản xuất hàng tháng, quý, năm do Tổng giám đốc chủ trì. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị tham dự các cuộc họp nói trên nhưng không làm ảnh hưởng quyền điều hành và kết luận của Tổng giám đốc;

2. Các quyết định, quy chế quan trọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm các cán bộ quản lý từ Phó trưởng phòng hoặc tương đương trở lên, chế độ chính sách của người lao động khi ban hành theo thẩm quyền của mình, Tổng giám đốc phải gửi cho Hội đồng quản trị biết để giám sát và phối hợp trong quản lý, điều hành.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký quyết định ban hành.

2. Những nội dung chưa đề cập thì căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Quy chế này được áp dụng đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Bộ máy tham mưu, giúp việc của Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Trong quá trình thực hiện, Quy chế này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐQT ngày tháng năm 2021
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam)*

Hải Phòng, tháng năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Giải thích từ ngữ	1
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
CHƯƠNG II	1
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	1
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	1
MỤC 1:	3
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	3
Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	3
Điều 5. Chủ tọa, điều hành Đại hội đồng cổ đông.....	4
Điều 6. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.....	6
Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 9. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 10. Việc ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 12. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 13. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 14. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội	12
Điều 15. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết.....	12
Điều 16. Cách thức bỏ phiếu bầu cử.....	13
Điều 17. Kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu.....	14

Điều 18. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	15
Điều 19. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 20. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 21. Công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
MỤC 2	18
TRÌNH TỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN	18
Điều 22. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.....	18
Điều 23. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.....	18
MỤC 3	21
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐỂ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN	21
Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	21
Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	21
Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử.....	22
Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến .	22
Điều 28. Điều kiện tiến hành	23
Điều 29. Thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.....	23
Điều 30. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.....	24
Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến	24
Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến	26
Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu.....	26
Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 35. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	26
MỤC 4	27
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA	27
NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP	27

TRỰC TUYẾN	27
Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 39. Điều kiện tiên hành	28
Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 41. Cách thức bỏ phiếu.....	29
Điều 42. Cách thức kiểm phiếu.....	29
Điều 43. Thông báo Kết quả kiểm phiếu	29
Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 45. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	30
CHƯƠNG III	30
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	30
Điều 46. Vai trò, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 48. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	32
Điều 49. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	33
Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	33
Điều 51. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	34
Điều 52. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.....	34
Điều 53. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	35
Điều 54. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	36
Điều 55. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	37
Điều 56. Cách thức biểu quyết, cách thức thông qua nghị quyết, ủy quyền cho người khác tham dự họp, lập biên bản họp Hội đồng quản trị	38

Điều 57. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	41
Điều 58. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	42
CHƯƠNG IV	43
BAN KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY	43
Điều 59. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	43
Điều 60. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát	46
CHƯƠNG V	49
TỔNG GIÁM ĐỐC	49
Điều 61. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc	49
Điều 62. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc	50
CHƯƠNG VI	52
CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	52
Điều 63. Nguyên tắc phối hợp công tác	52
Điều 64. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc	52
Điều 65. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên	55
Điều 66. Phối hợp khác	57
CHƯƠNG VII	58
QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	58
Điều 67. Phương thức đánh giá hoạt động của người quản lý, người điều hành của Công ty	58
Điều 68. Nguyên tắc áp dụng các hình thức kỷ luật	58
Điều 69. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị	59

Điều 70. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Ban kiểm soát.....	59
Điều 71. Khen thưởng và kỷ luật đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.....	59
Điều 72. Trách nhiệm về thiệt hại.....	60
CHƯƠNG VIII.....	60
THỰC HIỆN, SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG QUY CHẾ	60
Điều 73. Sửa đổi, bổ sung Quy chế	60
Điều 74. Hiệu lực	60
Điều 75. Tổ chức thực hiện.....	60

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- a) “Công ty” có nghĩa là Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam;
- b) “Điều lệ Công ty” là Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam thông qua và chấp thuận ban hành;
- c) “Đại hội đồng cổ đông” hoặc “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam;
- d) “Hội đồng quản trị” hoặc “HĐQT” là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam;
- e) “Ban kiểm soát” là Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam;
- f) “Ban điều hành” bao gồm: Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam;
- g) “UBCKNN” là Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- h) “SGDCK” là Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
- i) “TTLKCK” là Trung tâm lưu ký chứng khoán;

2. Các thuật ngữ khác được sử dụng trong Quy chế này có nghĩa như trong Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyết định việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần từng loại;
 - g) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 4 Điều 56 Điều lệ này với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 56 Điều lệ này;

s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

MỤC 1:

HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên:* Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:*

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại không đáp ứng số lượng tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 154 và khoản 1 Điều 168 Luật Doanh nghiệp hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c, d khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả các chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

7. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 5. Chủ tọa, điều hành Đại hội đồng cổ đông

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho Phó chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ làm Chủ tọa. Trường hợp cả Phó chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc, các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

d) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

e) Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

- Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

f) Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.

g) Đoàn Chủ tọa gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 02 thành viên.

h) Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

i) Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký đại hội

a) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

b) Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/Đại biểu;
- Lập Biên bản họp và soạn thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

3. Ban kiểm phiếu

a) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

b) Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết;
- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết;
- Thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

a) Chủ tọa cử một số người làm thành viên Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên.

b) Nhiệm vụ của Ban kiểm tra cổ đông/đại biểu:

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
- Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức tiến hành.

- Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

Điều 6. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối

cùng;

3. Các thông tin cơ bản về cổ đông:

- Họ và tên;
- Địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số và ngày cấp giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức;
- Số lượng cổ phần từng loại;
- Số và ngày đăng ký cổ đông;
- Địa chỉ thư điện tử, số điện thoại nếu có.

Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

2. Công ty phải công bố thông tin ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và trên trang thông tin điện tử của Công ty theo đúng quy định của Luật chứng khoán và Quy định của Công ty.

3. Chuẩn bị chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị Công ty cần thống nhất một số nội dung sau trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- b) Thành lập Đoàn Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu (nếu có nội dung bầu cử);

Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc (*tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ*). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời

công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 9. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Hội đồng quản trị thành lập Tổ giúp việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông để tham mưu, hỗ trợ Hội đồng quản trị trong công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổng hợp trên cơ sở tài liệu do các Phòng cung cấp dưới sự giám sát trực tiếp của Người phụ trách quản trị công ty và Tổ trưởng Tổ giúp việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông (nếu có);

c) Tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải là tài liệu đã được Hội đồng quản trị thông qua nội dung và chấp thuận phát hành, công bố;

d) Trong các trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không do Hội đồng quản trị triệu tập, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu cần thiết phục vụ cuộc họp. Công ty có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin, hỗ trợ Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoàn thiện tài liệu cuộc họp.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 4 Điều này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

8. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 10. Việc ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.

b) Tùy theo tình hình thực tế, Công ty sẽ lựa chọn và thông báo hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức phù hợp tới các cổ đông, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được uỷ quyền cho mỗi đại diện).
- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của pháp luật.

c) Công ty sẽ cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 12. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 13. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản bản và các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề theo quy định tại khoản 2, Điều 147 Luật Doanh nghiệp phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

1. Nguyên tắc chung

a) Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

b) Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

a) Phiếu biểu quyết

➤ **Phiếu biểu quyết hợp lệ:** Là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này.

Nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu thực hiện quyền biểu quyết của mình theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tọa hoặc Ban Tổ chức.

➤ **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:** Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ.

b) Phiếu bầu cử

➤ **Phiếu bầu cử hợp lệ:** Là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

➤ **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ
- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty.

Điều 15. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

- Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

a) Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn 01 lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

b) Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.

Điều 16. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a) Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp phiếu cũ;

- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể theo Quy chế bầu cử được công khai và thông qua tại Đại hội.

- Nguyên tắc trúng cử:

+ Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

+ Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

+ Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b) Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Quy chế này.

Điều 17. Kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu phiếu bầu cử/thẻ/phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ/phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

3. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

4. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 18. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

3. Riêng việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên

tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

7. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 28 Điều lệ Công ty;

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

2. Các trường hợp có yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trường hợp nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét, tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình theo quy định tại Điều 12 Điều lệ Công ty.

Điều 20. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản cuộc họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 21. Công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại diện Ban Thư ký trình bày dự thảo biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp;

2. Chủ tọa cuộc họp điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông xem xét, bổ sung nội dung dự thảo biên bản và nghị quyết cuộc họp nhưng không trái với kết quả biểu quyết đối với từng nội dung đã được thảo luận;

3. Chủ tọa cuộc họp điều hành Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp.

4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu họp đính kèm biên bản (nếu có) phải được công bố thông tin theo quy định.

5. Bé mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tuyên bố bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- a) Tất cả các vấn đề trong chương trình họp đã được thảo luận và biểu quyết;
- b) Kết quả biểu quyết đã được công bố;
- c) Biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

MỤC 2

TRÌNH TỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 22. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Thông báo về lấy kiến cổ đông bằng văn bản và quy chế thực hiện phải được công bố thông tin theo quy định về quản trị công ty niêm yết.

3. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có thể quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, ngoại trừ các vấn đề phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty được quy định tại Điều lệ Công ty.

5. Thông báo về lấy kiến cổ đông bằng văn bản và quy chế thực hiện phải được công bố thông tin theo quy định về quản trị công ty niêm yết.

Điều 23. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Lập danh sách cổ đông cần lấy ý kiến bằng văn bản. Quy trình lập danh sách thực hiện như đối với công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Điều lệ Công ty;

3. Nội dung phiếu lấy ý kiến bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu

a) Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

c) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

d) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

e) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

f) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

h) Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu

a) Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

b) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

7. Lưu tài liệu:

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 28 Điều lệ công ty.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

9. Phương thức gửi lại Phiếu lấy ý kiến, cách thức kiểm phiếu và công bố kết quả tuân thủ quy định tại khoản 5, 6, 7 và 8 Điều 29 Điều lệ Công ty.

MỤC 3

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐỂ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến thay vì tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức gặp mặt trực tiếp nếu đánh giá thấy việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gặp mặt trực tiếp có thể không thực hiện được do dịch bệnh, quyết định của cơ quan quản lý nước có thẩm quyền hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác.

2. Công ty gửi thư mời hoặc thông báo mời họp được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến kèm theo văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông. Ban tổ chức đại hội phải thông báo các tài liệu hướng dẫn/quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông chậm nhất là 21 ngày, trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến.

Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia:
 - Có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
 - Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Yêu cầu kỹ thuật:

Cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

3. Cách thức ghi nhận cổ đông tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Cổ đông được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi cổ đông đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 26 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

2. Khi cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

3. Cổ đông sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

4. Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Ban chủ tọa không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.

Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 10 Quy chế này và được gửi đến Công ty theo các phương thức đảm bảo đến được địa chỉ Công ty trước thời gian khai mạc Đại hội.

2. Trường hợp cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho cá nhân/tổ chức khác thì cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo Tài khoản truy cập đã được cấp.

3. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

3.1. Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

3.2. Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
- Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức

3.3. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến

a) Cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

b) Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 28. Điều kiện tiến hành

1. Điều kiện để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

2. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đường truyền của Hệ thống tại địa điểm tổ chức Đại hội phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông không bị gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức đại hội bị gián đoạn tại địa điểm họp thì Đoàn chủ tọa phải tóm tắt lại diễn biến nội dung phần gián đoạn đó;

b) Địa điểm họp phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến;

c) Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật An toàn thông tin mạng;

d) Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được lưu giữ, trích xuất được từ Hệ thống.

Điều 29. Thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;
- Chỉ có cổ đông mới được tham gia thảo luận;

- Cổ đông có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;

- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn Chủ tọa.

2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau.

Điều 30. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp bằng phiếu điện tử hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy chế này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết bằng phiếu điện tử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

1. Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu trực tuyến.

2. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

➤ Việc bỏ phiếu trực tuyến được thực hiện như sau:

a) Cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập để đăng nhập vào trang web theo hướng dẫn được gửi kèm theo Thông báo mời hoặc và được đăng tải trên website Công ty để thực hiện biểu quyết;

b) Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không ý kiến” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên Hệ thống;

c) Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được xem như cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết và không tính vào tỷ lệ kiểm phiếu.

d) Sau đó, cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

3. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử

a) Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự nhưng không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó và không tính vào tỷ lệ kiểm phiếu.

b) Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó và không tính vào tỷ lệ kiểm phiếu.

c) Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.

d) Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

e) Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu liên tục các giờ trong ngày trong thời gian quy định được bỏ phiếu trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ cổ đông.

f) Khi điều hành đại hội, Ban chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về số hotline theo thông báo của Ban tổ chức đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này.

4. Thời điểm biểu quyết

a) Cổ đông có quyền biểu quyết từ thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến đến trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Trường hợp cổ đông đã biểu quyết nhưng muốn thay đổi ý kiến thì phải thực hiện thay đổi trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Ý kiến biểu quyết sau cùng được Hệ thống ghi nhận trước thời điểm kết thúc biểu quyết là ý kiến hợp lệ và được ghi nhận vào kết quả kiểm phiếu;

b) Để bảo đảm diễn biến liên tục và tập trung thời gian cho phần diễn biến của đại hội, cổ đông tham dự khi đăng nhập Hệ thống có thể tiến hành biểu quyết về chương trình đại hội, thành phần Ban kiểm phiếu và nội dung sửa đổi về quy chế tổ chức đại hội (nếu có). Thời gian kết thúc biểu quyết của các nội dung này trên Hệ thống sẽ được Ban tổ chức thông báo tại thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến;

c) Các kết quả bỏ phiếu được tính theo tại thời điểm cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử nên việc kết nối của cổ đông bị ngắt đột ngột (nếu có) chỉ ảnh hưởng đến các nội dung chưa bỏ phiếu, các nội dung đã bỏ phiếu không bị ảnh hưởng;

d) Trước khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông chỉ được biết kết quả bỏ phiếu của mình. Sau khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông sẽ biết được kết quả biểu quyết chung đối với từng nội dung do Đoàn chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố.

Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

1. Chủ tọa giới thiệu một hoặc một số người làm thành viên Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết thông qua, Ban kiểm phiếu có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- Hướng dẫn cho cổ đông cách thức biểu quyết tại Đại hội trực tuyến;
- Tiến hành kiểm phiếu biểu quyết;
- Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu biểu quyết cho Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Hệ thống phần mềm sẽ tự động thống kê, tổng hợp, số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết.

2. Kết quả biểu quyết được Ban Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Nội dung họp Đại hội trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 20 Quy chế này. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được ghi nhận là nơi Ban Chủ tọa điều hành đại hội.

2. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.

Điều 35. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Bản sao biên bản, nghị quyết cuộc họp phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ.

2. Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật chứng khoán và quy định về công bố thông tin của Công ty niêm yết.

MỤC 4

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP TRỰC TUYẾN

Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị Công ty họp, ra quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến và thống nhất thông qua các nội dung, chương trình đại hội.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các công việc theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (*tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ*).

➤ Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

- Phiếu biểu quyết (đối với cổ đông tham dự trực tiếp).

* Đối với các cổ đông tham dự trực tuyến: Công ty gửi thư mời tham dự Đại hội trực tuyến kèm theo văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông. Ban tổ chức đại hội phải thông báo các tài liệu hướng dẫn/quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến.

Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Đối với cổ đông tham dự trực tiếp

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký,

họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Đối với cổ đông tham dự trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại Điều 31 Quy chế này.

Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đối với cổ đông tham dự trực tiếp

a) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

b) Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

2. Đối với cổ đông tham dự trực tuyến

a) Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện tương tự theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và được gửi đến Công ty bằng các phương thức đảm bảo đến được địa chỉ Công ty trước thời gian khai mạc đại hội.

b) Trường hợp cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho cá nhân/tổ chức khác thì cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo Tài khoản truy cập đã được cấp.

Điều 39. Điều kiện tiến hành

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 28 Quy chế này.

2. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 31 Quy chế này.

Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp bằng phiếu biểu quyết hoặc bằng phiếu điện tử hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng phiếu biểu quyết hoặc bằng phiếu điện tử.

Điều 41. Cách thức bỏ phiếu

1. Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.

2. Với cổ đông tham dự và biểu quyết trực tiếp tại địa điểm họp: Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

3. Với cổ đông tham dự và biểu quyết trực tuyến thông qua hệ thống trực tuyến: Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử. Việc bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Quy chế này.

4. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

Điều 42. Cách thức kiểm phiếu

1. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

2. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa.

Điều 43. Thông báo Kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp; trường hợp việc kiểm phiếu kéo dài sang ngày hôm sau thì Chủ tọa có trách nhiệm thông báo cho cổ đông dự họp kết quả kiểm phiếu thông qua website của Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Nội dung họp Đại hội trực tiếp kết hợp với trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

2. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.

Điều 45. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Bản sao biên bản, nghị quyết cuộc họp phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ.

2. VIMC phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Chứng khoán và quy định về công bố thông tin của công ty niêm yết.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 46. Vai trò, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền, nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

- a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;
- b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả các cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- c) Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;
- d) Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty;
- e) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
- f) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- g) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- h) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;
- i) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo

quy định tại Điều lệ Công ty;

j) Báo cáo tình hình quản trị công ty tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

k) Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này.

3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 35 Điều lệ VIMC.

b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

c) Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

d) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Không phải là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty.

Điều 48. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Ứng viên được Hội đồng quản trị đề cử thêm phải có mặt tại Đại hội đồng cổ đông;

2. Ứng viên phải báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 32 Điều lệ Công ty;

3. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định sau:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu: Từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 07 ứng viên và từ 80% trở lên được đề cử tối đa 08 ứng viên.

4. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định hiện hành. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Nguyên tắc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo Điều lệ VIMC. Theo đó, việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử được xác định theo số phiếu từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 34 của Điều lệ Công ty;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;
- c) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty.
- d) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 51. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị của Công ty phải được công bố thông tin trên website của Công ty và phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDKK theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 52. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- (1) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- (2) Trình độ chuyên môn;
- (3) Quá trình công tác;
- (4) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- (5) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- (6) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

2. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Điều 53. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị;
- g) Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;
- h) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- i) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công;
- j) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Công ty;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

6. Việc bãi nhiệm cũng như bầu, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị được thực hiện khi có quyết định của Hội đồng quản trị. Quyết định này sẽ được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

7. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

8. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 54. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao cho công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí

đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 55. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm: Hội đồng quản trị họp định kỳ ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

b) Đề nghị nêu tại điểm a khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm a khoản này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

b) Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

4. Quyền dự họp của thành viên Ban kiểm soát

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

b) Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 56. Cách thức biểu quyết, cách thức thông qua nghị quyết, ủy quyền cho người khác tham dự họp, lập biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

4. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

5. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại khoản 2 Điều 36 Điều lệ Công ty.

6. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

7. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải

được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

8. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

a) Thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị bằng văn bản gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị trước ngày tổ chức họp ít nhất 01 ngày làm việc.

b) Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

6. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 40 Điều lệ Công ty.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 40 Điều lệ Công ty.

Trường hợp chủ tọa và Thư ký từ chối ký biên bản họp Hội đồng quản trị thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều 42 Điều lệ VIMC. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp.

7. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả các bản sao nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc đồng thời với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 57. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban

2. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.

4. Việc thành lập và hoạt động của tiểu ban kiểm toán nội bộ và các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có) được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban:

a) Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban;

b) Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy

định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Điều 58. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

a) Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

b) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;
- b) Không đáp ứng được tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều này;
- c) Các trường hợp vi phạm pháp luật bị xử lý trách nhiệm hình sự hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của Công ty;
- d) Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- e) Các trường hợp khác khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Công ty phải thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty cũng như thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật có liên quan.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY

Điều 59. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Vai trò, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

- a) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- d) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
- e) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 của Điều lệ Công ty.

f) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

g) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

h) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 54 Điều lệ Công ty phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

i) Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

j) Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

k) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

l) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

m) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

n) Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

o) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

p) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của VIMC, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

q) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

r) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

s) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

t) Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát phải đảm bảo các nội dung sau:

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 53 Điều lệ Công ty.

- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.

- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

- Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty.

- Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

u) Có quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

v) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2. Vai trò, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

a) Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

b) Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Điều 60. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:

a) Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người.

b) Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

c) Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

d) Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

e) Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 50 Điều lệ Công ty.

f) Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác; không phải là người quản lý doanh nghiệp; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

d) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

f) Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu: Từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; Từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; Từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên; Từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 ứng cử viên; Từ 50% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 05 ứng cử viên.

b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

4. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát:

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5. Các trường hợp miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát:

Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

6. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát:

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty khác);

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

8. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát:

a) Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.

b) Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

c) Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG V

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 61. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức, thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Giám đốc các Chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng và tương đương sau khi được Hội đồng quản trị chấp thuận;

g) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

h) Tuyển dụng lao động;

i) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

j) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty có vốn góp của Công ty; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Quyết định và ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê tài sản và các hợp đồng, giao dịch khác liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch phải được sự thông qua của Hội đồng quản trị;

l) Quyết định ban hành các quy chế, quy định nội bộ liên quan đến công việc điều hành của Tổng giám đốc;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế nội bộ của Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp khi được yêu cầu.

3. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 62. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc:

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty;
- c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc:

a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

b) Hồ sơ đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự kê khai nêu rõ nhân thân, học vấn, kinh nghiệm;
- Bản kê khai tài sản, thu nhập;
- Chương trình hành động;
- Bản tự nhận xét đánh giá quá trình công tác;
- Các bản sao văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (có công chứng hoặc đóng dấu của cơ quan sao y bản chính);
- Các kết luận kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và các giấy tờ

liên quan khác đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm (nếu có);

c) Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết đề Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc.

d) Sau khi có quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc. Nội dung hợp đồng lao động phải quy định rõ mức thu nhập, nguyên tắc trả tiền lương, thù lao và lợi ích khác được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và Điều lệ Công ty.

e) Trong thời gian thực hiện thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị quyết định việc giao nhiệm vụ cho một người quản lý doanh nghiệp hoặc một người điều hành doanh nghiệp khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc và đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc:

a) Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

b) Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 ngày;
- Theo quyết định của Hội đồng quản trị;
- Các trường khác theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc: Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và cho các cơ quan quản lý nhà nước theo trình tự và quy định của pháp luật.

6. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc:

a) Công ty trả tiền lương, thưởng, thù lao và lợi ích khác cho Tổng giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh và do Hội đồng quản trị quyết định.

b) Tiền lương, thưởng, thù lao và lợi ích khác của Tổng giám đốc và người điều hành khác được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong

báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 63. Nguyên tắc phối hợp công tác

1. Việc phối hợp công tác giữa Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc và những người điều hành khác của Công ty cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- a) Luôn trung thành với lợi ích của cổ đông và của Công ty;
- b) Tuân thủ các quy định của pháp luật của Nhà nước, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;
- c) Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch;
- d) Thực hiện nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, hợp tác và chủ động phối hợp giải quyết vướng mắc, khó khăn khi phát sinh.

2. Trong trường hợp khẩn cấp, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc hoặc cả ba để phối hợp giải quyết hiệu quả.

Điều 64. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1.1. Thành phần mời họp Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định nhưng ít nhất bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị có thể mời Ban điều hành hoặc người khác tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị khi cần thiết.

Trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty.

1.2. Tại các cuộc họp có nội dung quan trọng, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác của Công ty để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thông báo mời họp phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc tại cuộc họp và phải được chuyển đến thành viên dự họp ít nhất 05 ngày trước khi tổ chức họp. Trưởng Ban kiểm soát phải có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong thời gian 05 ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp này thực hiện theo các quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

1.3. Tại các cuộc họp có nội dung quan trọng, Tổng giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát tham gia cuộc họp để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thông báo mời họp phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc tại cuộc họp, và phải được chuyển đến thành viên dự họp ít nhất 03 ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Tổng giám đốc phải có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian 05 ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị nội dung trình Hội đồng quản trị do Tổng giám đốc chủ trì.

1.4. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả các bản sao nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc đồng thời với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

1.5. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc có đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

b) Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị, trường hợp không triệu tập thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty. Người đề nghị triệu tập cuộc họp sẽ có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp.

1.6. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo (trực tiếp hoặc bằng văn bản) cho Hội đồng quản trị tình hình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Trong báo cáo, phải phản ánh những nội dung cơ bản sau:

- a) Nội dung chỉ đạo của Hội đồng quản trị;
- b) Tiến độ thực hiện tính đến thời điểm báo cáo;

- c) Hiệu quả thực hiện và nguyên nhân dẫn đến kết quả;
- d) Phương hướng giải quyết và đề xuất cụ thể (nếu có).

1.7. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc

Tổng giám đốc có trách nhiệm nghiêm túc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện nội dung không có lợi cho Công ty, Tổng giám đốc có trách nhiệm đề nghị Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh, Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.

2. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

a) Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

b) Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không nhiều hơn 07 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

c) Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Tổng giám đốc trình để Hội đồng quản trị thông qua;

d) Thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật.

e) Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

f) Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn;

g) Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là 07 ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng 07 ngày làm việc.

Điều 65. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

1. Quan hệ công việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát

a) Hội đồng quản trị tôn trọng quyền của Ban kiểm soát trong công tác kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động quản lý, điều hành Công ty, đồng thời tạo điều kiện để Ban kiểm soát tiến hành kiểm tra các hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn trong Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

b) Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp thu và có biện pháp chỉnh sửa các thiếu sót hoặc khiếm khuyết trong công tác quản lý, điều hành theo kết luận kiểm tra của Ban kiểm soát, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện các biện pháp cần thiết để xử lý các sai phạm (nếu có) và/hoặc khắc phục các thiếu sót trong công tác điều hành, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.

d) Hội đồng quản trị đảm bảo thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị, các thông tin khác được cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

e) Ban kiểm soát thực hiện việc thẩm định các Báo cáo tài chính của Công ty, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị đồng thời định kỳ thông báo cho Hội đồng quản trị về kế hoạch tiến hành cũng như kết quả thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát đối với hoạt động quản lý, điều hành và tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính của Công ty.

f) Thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành của Công ty, ngoài những thông tin báo cáo định kỳ phải cung cấp theo quy định.

2. Quan hệ công việc giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc và bộ máy điều hành

a) Hội đồng quản trị có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết để Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

b) Tổng giám đốc có trách nhiệm nghiêm túc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện nội dung không có lợi cho Công ty, Tổng giám đốc có trách nhiệm đề nghị Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh nghị quyết, quyết định, Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.

c) Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo (trực tiếp hoặc bằng văn bản) Hội đồng quản trị tình hình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Trong báo cáo phải phản ánh được những nội dung cơ bản sau:

- Nội dung chỉ đạo của Hội đồng quản trị;
- Tiến độ thực hiện tính đến thời điểm báo cáo;
- Hiệu quả thực hiện và nguyên nhân dẫn đến kết quả;
- Phương hướng giải quyết và đề xuất cụ thể (nếu cần).

d) Tổng giám đốc và những người điều hành khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và kịp thời.

e) Định kỳ hàng quý, sáu tháng, hàng năm, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đã thực hiện và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn tiếp theo, cùng với kiến nghị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền. Khi phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến uy tín, hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng giám đốc cần kịp thời báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp phụ trách công việc đó biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

g) Định kỳ hàng quý, sáu tháng, hàng năm, Tổng giám đốc xin ý kiến Hội đồng quản trị về nội dung Báo cáo tài chính và các tài liệu giải trình có liên quan trước khi ký ban hành và công bố thông tin.

h) Tổng giám đốc chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc theo Điều lệ Công ty; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị biết. Thời hạn báo cáo không chậm hơn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh trường hợp khẩn cấp.

i) Đối với những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải có tờ trình xin ý kiến đính kèm các tài liệu liên quan gửi đến Hội đồng quản trị. Tờ trình xin ý kiến phải đảm bảo những nội dung cơ bản sau:

- Nội dung cần xin ý kiến;

- Quan điểm của Tổng giám đốc về nội dung cần xin ý kiến;
- Đề xuất cụ thể phương hướng giải quyết.

3. Quan hệ giữa Ban kiểm soát với Tổng giám đốc

a) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

b) Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của Tổng giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

c) Thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

d) Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất 48 giờ. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

e) Các nội dung khác cần ý kiến của Tổng giám đốc: phải được gửi trước ít nhất là 07 ngày và Tổng giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 07 ngày.

Điều 66. Phối hợp khác

1. Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và những người điều hành khác của Công ty tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước nhằm trau dồi trình độ chuyên môn, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành. Việc tham gia các khóa đào tạo, hội thảo nói trên không được ảnh hưởng đến công việc chung của Công ty.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đi công tác nước ngoài phải có chương trình cụ thể, báo cáo và được Chủ tịch Hội đồng quản trị chấp thuận bằng văn bản. Tùy theo tính chất và nội dung công việc, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể yêu cầu cán bộ, nhân viên Công ty có liên quan cùng tham gia.

CHƯƠNG VII
QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG,
KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ
NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 67. Phương thức đánh giá hoạt động của người quản lý, người điều hành của Công ty

1. Việc đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những người điều hành Công ty được thực hiện hàng năm.

2. Thẩm quyền thực hiện đánh giá:

a) Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

b) Ban kiểm soát tổ chức đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với thành viên Ban kiểm soát;

c) Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm;

3. Tiêu chí, trình tự thủ tục đánh giá nhận xét người điều hành do cấp có thẩm quyền đánh giá quyết định.

4. Ban Tổ chức nhân sự, Người phụ trách quản trị công ty, tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị được giao thực hiện hoạt động đánh giá này có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu hướng dẫn và giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong công tác đánh giá nhận xét cán bộ hàng năm.

Điều 68. Nguyên tắc áp dụng các hình thức kỷ luật

1. Các hành vi bị xem xét áp dụng hình thức kỷ luật:

a) Vi phạm tiêu chuẩn chức danh hoặc vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Công ty.

b) Vi phạm pháp luật bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

c) Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật:

(i) Đang trong thời gian nghỉ hàng năm, nghỉ theo chế độ, nghỉ việc riêng được cấp có thẩm quyền cho phép;

(ii) Đang trong thời gian điều trị có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

(iii) Đang bị tạm giữ, tạm giam chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật.

2. Các trường hợp được miễn trách nhiệm kỷ luật:

a) Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi thực hiện hành vi sai phạm;

b) Được cấp có thẩm quyền xác nhận vi phạm quy định trong tình thế bất khả kháng khi thực hiện nhiệm vụ.

Điều 69. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc trích lập quỹ khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị Công ty được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty.

Điều 70. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Ban kiểm soát

1. Việc trích lập quỹ khen thưởng đối với thành viên Ban kiểm soát Công ty được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

2. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Các thành viên Ban kiểm soát có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty.

Điều 71. Khen thưởng và kỷ luật đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

1. Khen thưởng và kỷ luật đối với Tổng giám đốc:

a) Khen thưởng: Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho Tổng giám đốc theo chính sách đã thiết lập và thỏa thuận trước, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Việc khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

b) Kỷ luật: Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty.

2. Khen thưởng và kỷ luật đối với những người điều hành khác:

a) Khen thưởng: Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và theo chính sách của Công ty, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Việc khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

b) Kỷ luật: Những người điều hành của Công ty có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty.

Điều 72. Trách nhiệm về thiệt hại

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ do pháp luật và Công ty quy định sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Trách nhiệm về thiệt hại được xem xét ngay cả trong trường hợp cá nhân không có hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp gây thiệt hại nhưng không có ý thức ngăn cản hành vi vi phạm đó.

CHƯƠNG VIII THỰC HIỆN, SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG QUY CHẾ

Điều 73. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình thực hiện, khi có nội dung không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và hoạt động quản trị của Công ty, Quy chế sẽ được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập hoặc có nội dung khác với nội dung trong Quy chế này thì sẽ áp dụng của quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 74. Hiệu lực

1. Quy chế này gồm 08 chương và 74 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam nhất trí thông qua, chấp thuận hiệu lực toàn văn và giao cho Hội đồng quản trị Công ty ban hành, triển khai thực hiện kể từ ngày....

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

Điều 75. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm phối hợp triển khai việc thực hiện Quy chế này.

2. Ban kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện Quy chế này.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Một số nội dung sửa đổi chính của Điều lệ theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và Điều lệ mẫu của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020

Stt	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Nội dung hiện nay	Ghi chú
	Điều lệ mới gồm 5 chương, 78 điều. Được sửa đổi theo Điều lệ mẫu Thông tư 116 và Luật Doanh nghiệp, kết hợp tham chiếu Điều lệ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Điều lệ hiện nay chưa sửa gồm 21 mục, 54 điều	
1	Khoản 2 Điều 9 quy định: Cổ phiếu là chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1, Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2020	Khoản 2 Điều 7 quy định: Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp 2014	Thay đổi khái niệm cổ phiếu theo Luật Doanh nghiệp 2020
2	Khoản 1 Điều 17 quy định:	Trước đây không quy định nội dung này	Quy định thêm một số quyền của cổ đông
	i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;		
	j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;		
	k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;		
3	Khoản 2, Điều 17 quy định: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau...	Khoản 3, Điều 12 quy định: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục 06 tháng trở lên có các quyền sau...	Sửa đổi điều kiện thực hiện quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên

	Bỏ quy định: Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này	Điểm a, khoản 3, điều 12: Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này	Thay đổi một số quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên
	Thêm quy định điểm d, khoản 2, điều 17: Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;		
4	Khoản 4, Điều 17 quy định: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	Khoản 3, Điều 12 quy định: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục 06 tháng trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	Thay đổi điều kiện đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát
5	Khoản 2 Điều 18. Nghĩa vụ cổ đông quy định: Cổ đông không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.	Trước đây không quy định nội dung này	Cổ đông không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty
6	Khoản 8 Điều 18. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty, của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật;	Trước đây không quy định nội dung này	Theo quy định tại Điều lệ mẫu của Tổng công ty (dựa trên Điều 119 Luật doanh nghiệp 2020

7	Khoản 1, Điều 21. ĐHĐCĐ: Hội đồng quản trị quyết định gia hạn hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Trước đây không quy định nội dung này	Được gia hạn cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên
8	Bãi bỏ những quy định này	Khoản 3 Điều 14 quy định:	Bãi bỏ một số trường hợp phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường
		Báo cáo tài chính quý, 06 tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ	
		Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình	
9	Khoản 1 và khoản 2 Điều 22: Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát		Bổ sung quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ
10	Khoản 1 Điều 24 quy định: Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	Khoản 1 Điều 17 quy định: Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua	Quy định về điều kiện thay đổi các quyền của cổ đông

11	Khoản 2 Điều 25: Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Khoản 2 Điều 18: Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 05 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ	Triệu tập họp ĐHĐCĐ
12	Khoản 3 Điều 25: Thời gian chậm nhất để gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp	Khoản 3 Điều 18: Thời gian chậm nhất để gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ là 15 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp	Thay đổi thời gian chậm nhất để gửi thông báo mời họp
13	Khoản 1 Điều 26: Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết	Khoản 1 Điều 19: ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ
14	Khoản 1 Điều 28: Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này:	Khoản 1 Điều 21: Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ	Điều kiện thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ
	a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại	a) Thông qua báo cáo tài chính năm	
	b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh	b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty	
	c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty	c) Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, BKS và báo cáo việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc	
	d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty		
	e) Tổ chức lại, giải thể Công ty		
	f) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty		
15	Khoản 8 Điều 29: Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 9 Điều 22: Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều kiện để Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

16	Điểm i, khoản 1 Điều 30 quy định: Họ tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.	Điểm i, Khoản 1 Điều 23 quy định: Biên bản họp ĐHCĐ phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký	Biên bản họp ĐHCĐ vẫn có hiệu lực nếu chủ tọa và thư ký không ký
17	Khoản 2 Điều 32 quy định: cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng viên HĐQT	Khoản 2 Điều 25 quy định: Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông (tỷ lệ từ 5% trở lên) trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT	Quyền ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị. Điều chỉnh tương tự đối với Quyền ứng cử, đề cử người vào Ban kiểm soát
18	Khoản 3 Điều 33 quy định: Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải đảm bảo có tối thiểu 02 thành viên độc lập (Số lượng thành viên HĐQT của Công ty là 7, nằm trong trường hợp có số thành viên HĐQT từ 06 đến 08 thành viên)	Khoản 2 Điều 26 quy định: Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên HĐQT.	Tổng số thành viên độc lập HĐQT đối với công ty niêm yết
19	Quy định tại Điều 34. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT	Trước đây không quy định nội dung này	Bổ sung tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT
20	Điều 36. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT bổ sung điểm j: Phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định		
	- Đối với dự án đầu tư, mua sắm, nâng cấp tài sản cố định thuộc danh mục đầu tư hàng năm được HĐQT phê duyệt có giá trị nhỏ hơn 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong BCTC gần nhất và các dự án không nằm trong kế hoạch đầu tư hàng năm có giá trị dưới 15 tỷ đồng (trừ đầu tư tàu biển)		
	- Thanh lý, nhượng bán, cho thuê tài sản cố định có giá trị nhỏ hơn 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong BCTC gần nhất (trừ thanh lý, thuê, cho thuê tàu biển)		

21	<p>Khoản 5 Điều 38 quy định: Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu Phó chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Trước đây không quy định nội dung này</p>	<p>Quy định trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt</p>
22	<p>Khoản 1 Điều 43 quy định: Hội đồng quản trị Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty.</p>	<p>Khoản 1 Điều 32 quy định: Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là 05 năm</p>	<p>Không quy định nhiệm kỳ người phụ trách quản trị Công ty</p>
23	<p>Khoản 4 Điều 45 quy định: Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>Trước đây không quy định nội dung này</p>	<p>Tiền lương của người điều hành công ty</p>
24	<p>Quy định tại Điều 47. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc</p>	<p>Khoản 2, Điều 35 quy định: Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty</p>	<p>Bổ sung tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc</p>

25	Điểm b, Khoản 2, Điều 49 quy định: Thành viên Ban kiểm soát được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	Khoản 2 Điều 37 quy định: Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty... Ngoài ra, khoản 2 Điều 164 Luật doanh nghiệp quy định: Kiểm soát viên công ty cổ phần niêm yết, công ty do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên	Điều chỉnh tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát
26	Khoản 1 Điều 50 quy định: Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.	Khoản 3 Điều 37 quy định: Trưởng Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty	Điều chỉnh tiêu chuẩn và điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát
27	Khoản 18, Điều 51 quy định: Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.	Trước đây chưa có quy định về một số quyền hạn này	Quy định thêm một số quyền hạn của Ban kiểm soát
	Khoản 19, Điều 51 quy định: Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.		
	Khoản 20, Điều 51 quy định: Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát phải đảm bảo các nội dung sau:		
	a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này.		

	b) Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.		
	c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.		
	d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.		
	e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty.		
	f) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.		
28	Khoản 1 Điều 52 quy định: Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.	Khoản 3 Điều 38 quy định: Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu 02 lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ 2/3 số Kiểm soát viên trở lên dự họp	Bổ sung quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát

	Khoản 2 Điều 52 quy định: Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.		
29	Quy định tại Điều 56	Trước đây chưa có quy định này	Bổ sung nội dung giao dịch với cổ đông, người quản lý Công ty và người có liên quan của các đối tượng này (theo Điều 167 Luật doanh nghiệp 2020)
30	Quy định tại Điều 57	Trước đây chưa có quy định này	Bổ sung nội dung công khai lợi ích có liên quan (theo Điều 164 Luật doanh nghiệp 2020)
31	Quy định tại Điều 58	Trước đây chưa có quy định này	Bổ sung nội dung công khai thông tin (theo điều 176 Luật doanh nghiệp 2020)
32	Quy định tại Điều 59	Trước đây chưa có quy định này	Bổ sung nội dung quyền khởi kiện đối với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (theo Điều 166 Luật doanh nghiệp 2020)
33	Khoản 1 Điều 61 quy định: Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	Khoản 1 Điều 42 quy định: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng mới có quyền tra cứu hồ sơ	Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ
34	Quy định tại các Điều 63, 64 và 65	Trước đây chưa có quy định này	Bổ sung Chương IV: Quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác
35	Điều 72 quy định về kiểm toán đã bãi bỏ quy định này	Khoản 2 Điều 50 quy định: Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 2 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Bãi bỏ thời hạn công ty kiểm toán độc lập trình báo cáo cho Hội đồng quản trị Công ty